

**Phụ lục 04: Danh sách nhân viên công ty GFDI đã nhận lương kinh doanh**  
 Ban hành kèm theo Bản án số 158/2026/HS-ST ngày 24/9/2026

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi cư trú                                                                                                           | Tổng lương kinh doanh |
|-----|---------------------|------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | BẠCH XUÂN NGUYỄN    | 16/08/1996 | Nam       | THÔN SƠN TÂY, xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk                                                                             | 2.000.000             |
| 2   | BẢO TUẦN LUÂN       | 07/06/1996 | Nam       | TỔ 11, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                                            | 23.500.000            |
| 3   | BÙI ANH THU         | 12/12/2002 | Nữ        | 25/12 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ                                                              | 5.950.000             |
| 4   | BÙI ĐỨC NAM         | 24/08/1978 | Nam       | 18/9/80 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ                                                                   | 115.632.542           |
| 5   | BÙI DUY ANH         | 24/04/1983 | Nam       | Tổ 5, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội                                                                                 | 1.230.837.266         |
| 6   | BÙI HOÀI GIANG      | 11/06/1995 | Nữ        | 47/9C Trần Phú, KHÓM 5, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long                                                             | 3.751.087             |
| 7   | BÙI HOÀNG BẢO UYÊN  | 08/08/1999 | Nữ        | 01 Cẩn Giuộc, Tổ 80, phường An Khê, Thanh phố Đà Nẵng                                                                | 9.500.000             |
| 8   | BÙI HOÀNG LONG      | 18/07/1997 | Nam       | Phòng số 6, 92 Lê Văn Thứ, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                                                         | 9.160.000             |
| 9   | BÙI MAI THỦY DƯƠNG  | 25/04/1988 | Nữ        | Số 20 Đoàn Khuê, TỔ 13, Phường Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng                                                              | 77.753.750            |
| 10  | BÙI NGÔ ANH THẮNG   | 27/03/1992 | Nam       | K151/8 Trần Cao Vân, TỔ 8(TT)XH, phường Thanh Khê, Đà Nẵng                                                           | 1.500.000             |
| 11  | BÙI NGỌC NHUNG      | 15/07/1993 | Nữ        | 01/36 Nguyễn Xuân Nguyên, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk                                                                | 4.240.958             |
| 12  | BÙI QUANG ANH       | 08/12/2000 | Nam       | Thôn Bắc Sơn, Can Lộc, Hà Tĩnh                                                                                       | 6.081.250             |
| 13  | BÙI THẾ LÂM         | 25/01/1991 | Nam       | 26/7C Lê Thị Hồng Gấm, tổ 6, khu phố 1, Phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp                                              | 10.181.522            |
| 14  | BÙI THỊ BÍCH NGỌC   | 14/03/2000 | Nữ        | Số nhà 66B, ấp Long Tân, Long Điền, thành phố Hồ Chí Minh                                                            | 10.710.000            |
| 15  | BÙI THỊ CẨM TRÂM    | 15/06/1984 | Nữ        | KIỆT 536/19, ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHŨ, Tổ 53 Thanh Khê Đông (12TKĐ), Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng                         | 4.402.664.493         |
| 16  | BÙI THỊ HẢO         | 03/01/1998 | Nữ        | Thôn Mỹ Hòa, xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Bình                                                                            | 307.166.708           |
| 17  | BÙI THỊ HỒNG PHÚC   | 29/06/1992 | Nữ        | k49/4 Bùi Thế Mỹ, tổ 05, phường Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng                                                            | 380.793.833           |
| 18  | BÙI THỊ LẠC         | 23/04/1987 | Nữ        | 342 BÙI THIÊN NGỘ, Phường Hòa Xuân, Tp Đà Nẵng                                                                       | 18.469.653.405        |
| 19  | BÙI THỊ MỸ KHOA     | 09/11/2000 | Nữ        | SỐ NHÀ 71, TỔ 2, KHÓM VĨNH HƯNG, Xã Vĩnh Thanh Trung, tỉnh Kiên Giang                                                | 375.000               |
| 20  | BÙI THỊ NGỌC YẾN    | 01/01/1992 | Nữ        | K158/32/7 Ông Ích Đường, tổ 40 HTĐ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                 | 9.350.000             |
| 21  | BÙI TIẾN ĐÁP        | 23/07/1987 | Nam       | Tổ dân phố Mỹ Phúc 3, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình                                                                | 9.000.000             |
| 22  | BÙI TRÚC QUYÊN      | 29/09/1993 | Nữ        | 561/35 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                                               | 9.325.000             |
| 23  | BÙI VĂN TRỌNG NGHĨA | 26/04/1996 | Nam       | Tổ 12 Thanh Khê Đông, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                            | 1.113.715.799         |
| 24  | BÙI VĂN VIỆT        | 04/11/1993 | Nam       | SỐ 23 PHỐ PHẠM CẢNH LƯƠNG, KHU ĐÔNG VÂN, xã Phú Thái, thành phố Hải Dương                                            | 9.458.611             |
| 25  | CAO ĐẮC DŨNG        | 02/08/1992 | Nam       | Căn hộ số 8.06, Tầng 8, Tòa nhà chung cư S7.05, Dự án Khu dân cư và công viên phước thiên, 88 đường Phước Thiên, Khu | 5.986.923             |
| 26  | CAO HOÀNG LONG      | 13/09/1993 | Nam       | 49 hoàng thế thiện, phường Hòa Xuân TP. Đà Nẵng                                                                      | 272.255.166           |
| 27  | CAO NGỌC LÂN        | 16/06/1995 | Nam       | Tổ dân phố Phước Vinh, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế                                                               | 3.266.667             |
| 28  | CAO QUÍ ĐẠT         | 03/04/1996 | Nam       | Căn hộ A07.02 Chung cư Viva Riverside 1472 Võ Văn Kiệt, Khu Phố 1, Phường Bình Tiên, HCM                             | 4.367.554             |
| 29  | CAO SƠN HOÀNG YẾN   | 26/08/1997 | Nữ        | Áp Phước Thủy, xã Cái Nhum, T.Vĩnh Long                                                                              | 5.461.303             |
| 30  | CAO THỊ ĐAN THANH   | 19/08/1984 | Nữ        | 299 Tăng Bạt Hổ, phường Phú Xuân, TP Huế                                                                             | 11.159.582            |
| 31  | CAO THỊ HIẾU        | 04/08/1990 | Nữ        | Tro Nhà Cao Thị Thà - Tăng Bảo, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                                                          | 1.510.818.667         |
| 32  | CAO THỊ NGỌC THẢO   | 16/08/1993 | Nữ        | 132/4 Lê Hồng Phong, phường Nam Nhựt Trang, Khánh Hòa                                                                | 1.650.000             |
| 33  | CAO VĂN LỘC         | 04/01/1991 | Nam       | Căn số P21503, chung cư Panoma 2, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                             | 5.457.245.339         |
| 34  | CAO VĂN TÙNG        | 11/05/1988 | Nam       | S6B-1111 Chung cư Symphony, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội                                                        | 21.229.677.719        |
| 35  | CHÂU KHÁNH HƯNG     | 26/05/1992 | Nam       | 22 Nguyễn Văn Trỗi, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                                | 16.075.000            |
| 36  | CHÂU THỊ DIỄM       | 08/12/1993 | Nữ        | Thôn 17, Xã Hòa Phú, Đắk Lắk                                                                                         | 12.117.553            |
| 37  | CHÂU THỊ NGÂN       | 20/10/1998 | Nữ        | Thôn Lãnh Văn, xã Xuân Lãnh, tỉnh Đắk Lắk                                                                            | 2.000.000             |

|    |                        |            |     |                                                                                                                |               |
|----|------------------------|------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 38 | CHAU THI TUYẾT HƯƠNG   | 15/11/1993 | Nữ  | 325 Hồng Lĩnh, khu vực Nam Phương Danh, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai                                           | 1.500.000     |
| 39 | CHU THI HOÀI           | 22/02/1998 | Nữ  | TDP Kỳ Long, phường Vũ Áng, tỉnh Hà Tĩnh                                                                       | 2.925.275.006 |
| 40 | CHỮ THUY HOÀNG         | 17/04/1995 | Nam | 15/1A Lê Văn Lộc, khu phố 29, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh                                           | 15.445.342    |
| 41 | CÔ THI ANH THU         | 19/08/1998 | Nữ  | Khu phố Bình Đông, phường Sơn Qui, Tỉnh Đồng Tháp                                                              | 5.057.500     |
| 42 | ĐẶNG ANH TÀI           | 10/03/1993 | Nam | THÔN VĨNH PHÚ, xã Nam Gianh, tỉnh Quảng Bình                                                                   | 750.000       |
| 43 | ĐẶNG ANH TÚ            | 18/10/1989 | Nam | Thôn Đồng Nghệ, xã Hòa Tiến, Đà Nẵng                                                                           | 266.102.667   |
| 44 | ĐẶNG HUY BÌNH          | 12/07/1994 | Nam | 91A Phạm Hồng Thái, Tổ Dân Phố 4 Tự An, phường Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk                                     | 2.975.000     |
| 45 | ĐẶNG HUY HOÀNG         | 20/06/1991 | Nam | Xóm Nam, Thôn Lai Nghi, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai                                                               | 750.000       |
| 46 | ĐẶNG KIM NGÂN          | 02/01/1998 | Nữ  | khu phố Phước Lâm, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk                                                               | 294.048.416   |
| 47 | ĐẶNG LÊ THI HỒNG TRINH | 15/09/2000 | Nữ  | THÔN XUÂN PHƯƠNG, xã Phú Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai                                                                 | 887.500       |
| 48 | ĐẶNG MINH PHONG        | 09/11/1997 | Nam | 03 Lương Quán, phường Thủy Xuân, TP Huế                                                                        | 3.038.298     |
| 49 | ĐẶNG MINH TÂN          | 16/02/1989 | Nam | TDP Chơn Tâm 4, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                            | 3.971.554.874 |
| 50 | ĐẶNG NHƯ HẢO           | 10/02/1990 | Nữ  | Khu phố 1 Hòa Long, phường Tam Long, Thành phố Hồ Chí Minh                                                     | 1.312.500     |
| 51 | ĐẶNG PHƯỚC ĐA          | 01/06/1993 | Nam | TỔ 3, THÔN NAM SƠN, xã Hòa Tiến, TP. Đà Nẵng                                                                   | 970.424.835   |
| 52 | ĐẶNG QUỐC THẮNG        | 26/05/1990 | Nam | Tổ 23, Khu Vực 4, Phường Lê Hồng Phong, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định                                     | 22.000.000    |
| 53 | ĐẶNG THỊ ANH THU       | 02/02/2001 | Nữ  | THÔN PHÚ HÒA 1, xã Bà Nà, Đà Nẵng                                                                              | 1.100.000     |
| 54 | ĐẶNG THỊ ÁNH XUÂN      | 26/06/1999 | Nữ  | SỐ NHÀ 105/4/16 NGÕ ĐỨC KẾ, TỔ 10, KHU PHỐ 4, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh                                | 1.800.000     |
| 55 | ĐẶNG THỊ HỒNG LÀNH     | 06/09/2000 | Nữ  | XÓM MỸ AN, THÔN MỸ TÂN, Bình Sơn, Quảng Ngãi                                                                   | 5.200.000     |
| 56 | ĐẶNG THỊ KIỀU NHUNG    | 14/12/1987 | Nữ  | 130 Nguyễn Lộ Trạch, phường Võ Dạ, thành phố Huế                                                               | 5.760.106     |
| 57 | ĐẶNG THỊ KIM LONG      | 03/12/1990 | Nữ  | 249 Nguyễn Chích, phường Hòa Khánh, Tp Đà Nẵng                                                                 | 829.605.941   |
| 58 | ĐẶNG THỊ LAN           | 25/05/1995 | Nữ  | 198 Nguyễn Quang Lâm, TỔ 5, Hoà Xuân, Đà Nẵng                                                                  | 750.000       |
| 59 | ĐẶNG THỊ MỸ DUNG       | 18/05/1999 | Nữ  | Tổ 15 KV6, Phường An Cựu, Thành phố Huế                                                                        | 4.641.000     |
| 60 | ĐẶNG THỊ NGỌC NHI      | 20/06/1989 | Nữ  | căn 913 , toà chung cư xã hội B2, đường số 4 , khu công nghiệp hoá kháng, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 8.030.000     |
| 61 | ĐẶNG THỊ NỮ            | 24/09/1988 | Nữ  | SỐ NHÀ 223/16/9 ĐƯỜNG TÂY SƠN, TỔ 38B, KHU PHỐ 4, Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                            | 23.594.122    |
| 62 | ĐẶNG THỊ TUYẾT TRINH   | 10/04/1992 | Nữ  | Thôn Đồng Nghệ, xã Hòa Tiến, TP. Đà Nẵng                                                                       | 615.634.911   |
| 63 | ĐẶNG THỊ VY NA         | 18/10/1997 | Nữ  | Thôn Chung Phước, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng                                                             | 7.593.333     |
| 64 | ĐẶNG TRẦN KIM NGÂN     | 18/07/1994 | Nữ  | 102 Nguyễn Văn Săng, Tân Sơn Nhì, Tân Phú, Hồ Chí Minh                                                         | 3.457.611     |
| 65 | ĐẶNG TUẤN KIẾT         | 24/08/1999 | Nam | Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội                                                                                  | 2.000.000     |
| 66 | ĐẶNG VĂN HÀ            | 15/08/1996 | Nữ  | TỔ THƯỢNG BÌNH, KHU PHỐ BÌNH CHUÔNG NAM, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai                                         | 10.405.000    |
| 67 | ĐÀO CAI PHƯỢNG HOÀNG   | 01/06/1998 | Nữ  | Xóm 7, thôn Phú Kim, xã Phú Cát, tỉnh Gia Lai                                                                  | 2.000.000     |
| 68 | ĐÀO DUY ĐẠT            | 17/11/1996 | Nam | Thôn Phong Niên, Xã Phú Hòa 1, Tỉnh Đắk Lắk                                                                    | 2.392.935     |
| 69 | ĐÀO TÂN DŨNG           | 17/01/2000 | Nam | Thôn Phú Ân Bắc B, xã Diên Điện, Khánh Hòa                                                                     | 56.715.833    |
| 70 | ĐÀO THÁI SƠN           | 29/09/1996 | Nam | Thôn 8, phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk                                                                            | 1.322.222     |
| 71 | ĐÀO THỊ BÍCH PHƯƠNG    | 09/04/1989 | Nữ  | TỔ 7, KHU PHỐ VÂN HỘI 2, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai                                                            | 1.500.000     |
| 72 | ĐÀO THỊ DIỆU LOAN      | 03/07/1996 | Nữ  | TỔ 2, KHU PHỐ 6, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                               | 1.500.000     |
| 73 | ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO    | 13/02/1995 | Nữ  | Thôn 2 xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk                                                                             | 191.679.149   |
| 74 | ĐÀO THỊ TRANG          | 26/03/1992 | Nữ  | Chung cư Hà Quang SSH08, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                  | 1.000.000     |
| 75 | DIỆP KIM TRẦN          | 10/08/1997 | Nữ  | 79 Hoàng Văn Thụ, phường Nha Trang, Khánh Hòa                                                                  | 28.405.000    |
| 76 | ĐÌNH HÒA BẢO           | 02/08/1993 | Nam | 68 Võ Thị Sáu, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                            | 2.142.000     |
| 77 | ĐÌNH HOÀI NAM          | 04/06/1991 | Nam | 14 kiệt 16 Duy Tân, An Cựu, TP Huế                                                                             | 1.093.750     |

|     |                      |            |     |                                                                                    |               |
|-----|----------------------|------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 78  | ĐINH LỆ HUYỀN        | 03/10/1994 | Nữ  | Tổ dân phố 1, Phường Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình                                  | 2.472.556     |
| 79  | ĐINH NGỌC ANH        | 14/05/1994 | Nữ  | 356 Nguyễn Viết Xuân, Hội Phú, Gia Lai                                             | 50.532.833    |
| 80  | ĐINH NGUYỄN NAM BÌNH | 22/12/1998 | Nam | 84/5 Đô Đốc Bảo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                     | 4.200.000     |
| 81  | ĐINH NHẬT NAM        | 02/01/1998 | Nam | TỔ 02, ẤP HƯNG THỊNH, xã Tân Lược, Vĩnh Long                                       | 7.667.189     |
| 82  | ĐINH NHẬT THUY TRANG | 24/10/1980 | Nữ  | Thôn Đại Điền Nam 2, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa                                  | 672.266.460   |
| 83  | ĐINH SỸ QUỐC         | 03/05/1992 | Nam | Nhà trọ bà Dương Thị Hà, tổ dân phố 13, phường Đồng Thuận, T. Quảng Bình           | 2.925.463     |
| 84  | ĐINH THỊ HIỀN        | 12/09/1987 | Nữ  | Buôn Kao, phường Ea Kao, Đắk Lắk                                                   | 76.088.416    |
| 85  | ĐINH THỊ HỒNG HÀO    | 01/06/2001 | Nữ  | KP Klót Pók, xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai                                           | 2.842.778     |
| 86  | ĐINH THỊ HUYỀN TRANG | 04/06/1996 | Nữ  | Tổ 4, khối Tân Thành, phường Hội An Tây, thành phố Đà Nẵng                         | 2.940.115.636 |
| 87  | ĐINH THỊ KIỀU        | 16/08/1999 | Nữ  | Buôn Bá, xã Ea Bá, tỉnh Đắk Lắk                                                    | 2.500.000     |
| 88  | ĐINH THỊ KIM ANH     | 12/11/1987 | Nữ  | K51/17 Lương Thế Vinh, tổ 14, phường An Hải, Đà Nẵng                               | 8.350.000     |
| 89  | ĐINH THỊ MỸ NGỌC     | 27/11/1997 | Nữ  | THÔN HÀ TRUNG, Đồng Hới, Quảng Bình                                                | 3.104.348     |
| 90  | ĐINH THỊ NGỌC ANH    | 27/11/1998 | Nữ  | Cụm 8, Thôn 10, phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk                                       | 1.666.000     |
| 91  | ĐINH THỊ NHƯ HIẾU    | 03/12/1994 | Nữ  | Xóm 33, thôn Giang Nam, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai                             | 12.525.000    |
| 92  | ĐINH THỊ THU THẢO    | 24/05/1992 | Nữ  | Xóm 3, Quan Quang, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai                                  | 272.304.947   |
| 93  | ĐINH THỊ TUYỀN       | 03/01/1993 | Nữ  | 7/10 Hoàng Xuân Hãn, phường Phú Xuân, TP Huế                                       | 3.354.167     |
| 94  | ĐINH VĂN THẮNG       | 14/09/1977 | Nam | Buôn Alê A, phường Ea Kao, Đắk Lắk                                                 | 1.000.000     |
| 95  | ĐỖ CHÍ ĐỨC           | 07/11/1997 | Nam | Tổ 56 Tập thể Đại Học Y Khoa, phường Kim Liên, Hà Nội.                             | 8.300.000     |
| 96  | ĐỖ CÔNG HÒA          | 10/08/1977 | Nam | 04 Đại Lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa                                 | 33.830.000    |
| 97  | ĐỖ HOÀNG             | 23/08/1979 | Nam | Hẻm 11A, Tổ 17 Hòa Trung, phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa                          | 20.409.896    |
| 98  | ĐỖ HOÀNG MINH        | 19/10/1998 | Nam | Khu 31 Ha, TDP Thành Trung, Gia Lâm, Hà Nội.                                       | 2.161.249.167 |
| 99  | ĐỖ MINH TÂN          | 25/03/1990 | Nam | 26/21 B Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội                                         | 2.000.000     |
| 100 | ĐỖ PHÚ CƯỜNG         | 19/02/1996 | Nam | Tổ 21 KV 4A, phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai                                         | 8.229.167     |
| 101 | ĐỖ TÂN TÔNG          | 25/05/1996 | Nam | Thôn Trung Thành, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai                                       | 1.250.000     |
| 102 | ĐỖ THỊ BÍCH PHƯƠNG   | 14/04/1990 | Nữ  | 105 Lê Đình Kỵ, Tổ Dân Phố Hòa Phước 4, phường An Khê, TP Đà Nẵng                  | 5.476.444.261 |
| 103 | ĐỖ THỊ HẢI YẾN       | 13/10/1992 | Nữ  | 563/11 Nguyễn An Ninh, TỔ 2, KHU PHỐ 3, Phường Tam Thăng, TP. Hồ Chí Minh          | 8.770.000     |
| 104 | ĐỖ THỊ HỒNG NGÀ      | 25/10/1998 | Nữ  | XUÂN KỶ (KỶ LAM CŨ), xã Gò Nổi, thành phố Đà Nẵng                                  | 2.300.000     |
| 105 | ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG    | 29/09/1990 | Nữ  | 30 An Hải 4, tổ 44, Phường An Hải, TP Đà Nẵng                                      | 198.181.944   |
| 106 | ĐỖ THỊ MINH THOA     | 28/11/1997 | Nữ  | Ô Gia, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                | 97.864.834    |
| 107 | ĐỖ THỊ QUỲNH         | 01/01/1996 | Nữ  | Thôn Thống Nhất, Xã Eakly, tỉnh Đắk Lắk                                            | 1.503.662.585 |
| 108 | ĐỖ THỊ THANH TRÚC    | 26/06/2001 | Nữ  | THÔN CHÁNH LỘC, Xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk                                          | 40.678.333    |
| 109 | ĐỖ THỊ THU SƯƠNG     | 10/09/1988 | Nữ  | 15 An Dương Vương, phường An Cựu, TP Huế                                           | 15.889.583    |
| 110 | ĐỖ THỊ TRANG         | 01/07/1993 | Nữ  | 206/5 Cách Mạng Tháng 8, Tổ 9, phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng                              | 38.199.583    |
| 111 | ĐỖ THỰC QUYÊN        | 13/01/1993 | Nữ  | 17 Phước Long, P. Nam Nha Trang, Khánh Hoà                                         | 2.975.000     |
| 112 | ĐỖ TRẦN KHÁNH VÂN    | 18/12/2000 | Nữ  | TỔ 30, phường Ngũ Hành Sơn. Đà Nẵng                                                | 9.050.000     |
| 113 | ĐỖ TRỌNG TIẾN        | 13/04/1993 | Nam | Kiệt 44/H13/21 Đà Sơn, Tổ 58, phường Hòa Khánh, Đà Nẵng                            | 301.275.742   |
| 114 | ĐỖ TUẤN ANH          | 24/03/1993 | Nam | Căn 8A20 NOXH Rice City Sông Hồng tại Lô đất A1-5/NO1, tổ 21, phường Bồ Đề, Hà Nội | 50.675.000    |
| 115 | ĐOÀN BẢO LINH        | 03/08/2000 | Nữ  | SỐ NHÀ 51, ĐƯỜNG BUI THỊ XUÂN, PHỐ NGỖ QUYÊN, phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình        | 4.500.000     |
| 116 | ĐOÀN MINH NHẬT       | 15/06/1986 | Nam | 61 Hoàng Hiệp, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                  | 147.251.762   |
| 117 | ĐOÀN NGỌC KHOA       | 02/08/1987 | Nam | NCT Nguyễn Thị Phương, 21-23 Bình Hoà 5, Tổ 49KT, phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng        | 132.329.427   |

|     |                      |            |     |                                                                              |               |
|-----|----------------------|------------|-----|------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 118 | ĐOÀN NỮ PHƯƠNG DUNG  | 10/06/1990 | Nữ  | Thôn 3, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng                                            | 7.225.000     |
| 119 | ĐOÀN THỊ BẢO HƯƠNG   | 01/01/1996 | Nữ  | 128/1 Trần Nhân Tông, Tổ 6, Thanh Nam, Phường Hội An Đông, Thành phố Đà Nẵng | 11.364.286    |
| 120 | ĐOÀN THỊ BÍCH DUNG   | 15/11/1992 | Nữ  | Cum 5, Tổ dân phố 10B, phường Tân Lập, Đắk Lắk                               | 3.550.000     |
| 121 | ĐOÀN THỊ KIM LIÊN    | 15/07/1983 | Nữ  | 25 Nguyễn Đức Cảnh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                         | 41.936.750    |
| 122 | ĐOÀN THỊ NHƯ QUỲNH   | 13/10/1998 | Nữ  | Thôn Lạc Tân, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Bình                                   | 11.004.333    |
| 123 | ĐOÀN THỊ THANH HUYỀN | 26/06/1992 | Nữ  | 67 Trần Nguyên Đán, phường Phú Xuân, thành phố Huế                           | 14.000.000    |
| 124 | ĐOÀN THỊ THU HÒA     | 17/02/2000 | Nữ  | thôn Lạc Tân, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Bình                                   | 4.645.833     |
| 125 | ĐOÀN THỊ TUYẾT       | 03/02/1994 | Nữ  | TDP Phạm Xá, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng                            | 10.901.111    |
| 126 | ĐOÀN THỦY TRÚC MY    | 12/02/1993 | Nữ  | 139 Văn Tiên Dũng, tổ 6, khu vực 5, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai        | 3.500.000     |
| 127 | ĐOÀN VĨNH THUYỀN     | 24/08/1998 | Nam | Xóm 1, thôn Bàn Thới, xã Thiện Tin, tỉnh Quảng Ngãi                          | 21.598.000    |
| 128 | DƯƠNG LƯU CÔNG CHÍNH | 06/02/1999 | Nam | Phú Thọ 3, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk                                     | 8.991.667     |
| 129 | DƯƠNG MINH CHÂU      | 28/10/1999 | Nam | Thôn Phú Sen Đông, Xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk                                | 11.236.000    |
| 130 | DƯƠNG MỘNG THỦY VY   | 09/03/1993 | Nữ  | 792 đường 23/10, tổ 7, Phú Thạnh 1, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa          | 17.455.186    |
| 131 | DƯƠNG NGỌC KIM NGÂN  | 16/10/1997 | Nữ  | tổ 2, thôn Hòn Nghê, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa                         | 900.000       |
| 132 | DƯƠNG NGUYỄN NGỌC MỸ | 27/11/1996 | Nữ  | NCT 15 Hoàng Đạo Thúy, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                      | 5.911.007.213 |
| 133 | DƯƠNG QUANG TÙNG     | 29/03/1998 | Nam | Thôn 4, xã Ea Nuôl, Đắk Lắk                                                  | 2.201.500     |
| 134 | DƯƠNG QUỐC NHẬT      | 15/07/2000 | Nam | 25 Lê Cảnh Tuân, tổ 85, phường Sơn Trà, Đà Nẵng                              | 19.791.666    |
| 135 | DƯƠNG THỊ CẨM TÚ     | 22/10/1995 | Nữ  | TDP Bãi Giếng 3, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa                                  | 11.264.000    |
| 136 | DƯƠNG THỊ DIỄM THI   | 12/10/1990 | Nữ  | 861/30 Trần Xuân Soạn, khu phố 6, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh     | 4.203.804     |
| 137 | DƯƠNG THỊ DIỆU THIÊN | 09/06/1995 | Nữ  | 07 Trường Chinh, Xuân Phú, TP Huế                                            | 583.333       |
| 138 | DƯƠNG THỊ HƯỜNG      | 01/01/1993 | Nữ  | thôn 4, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Bình                                         | 2.468.617     |
| 139 | DƯƠNG THỊ QUÍ        | 01/01/1991 | Nữ  | K133/21 Nguyễn Văn Linh, tổ 13, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng           | 1.158.333     |
| 140 | DƯƠNG THỊ QUỲNH NGÂN | 08/11/1997 | Nữ  | tổ dân phố An Thành, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế                         | 600.000       |
| 141 | DƯƠNG THỊ THẢO       | 20/06/1994 | Nữ  | 692 Trần Phú, Phường Bình Định, tỉnh Gia Lai                                 | 17.000.000    |
| 142 | DƯƠNG THỊ THÚY LAN   | 12/09/1990 | Nữ  | Tổ dân phố 1 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Bình                      | 8.390.476     |
| 143 | DƯƠNG THỊ THỦY LINH  | 12/06/1995 | Nữ  | K856/14 Tôn Đức Thắng, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                  | 1.848.366.500 |
| 144 | DƯƠNG THỦY LIÊU      | 08/06/1976 | Nữ  | K382/7/11A Hùng Vương, tổ 4VT, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng           | 47.369.167    |
| 145 | DƯƠNG THỦY UYÊN      | 15/09/1998 | Nữ  | 34/4 Nguyễn Khuyến, phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa                          | 37.581.855    |
| 146 | DƯƠNG TUẤN LINH      | 27/09/1994 | Nam | Số 2A ngách 133/6 phố Hồng Mai, phường Bạch Mai, Hà Nội.                     | 6.500.000     |
| 147 | DƯƠNG VĂN HIẾU       | 25/05/1999 | Nam | 19 Lỗ Giáng 15, TDP Lỗ Giáng 4, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng           | 2.850.000     |
| 148 | DƯƠNG VIỆT HOÀNG     | 01/01/1997 | Nam | 206 Phan Bội Châu, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                           | 29.951.667    |
| 149 | DƯƠNG VŨ THÀNH TIÊN  | 31/10/1995 | Nam | Vĩnh Thái, Nha Trang                                                         | 1.800.000     |
| 150 | GIÁP HÀ LINH         | 24/10/2000 | Nữ  | thôn Hùng Quan, xã Chi Đám, tỉnh Phú Thọ                                     | 1.500.000     |
| 151 | HÀ PHÚC ĐẠT          | 21/05/1994 | Nam | xóm 4, thôn Thuận Truyền, xã Bình Hiệp, tỉnh Gia Lai                         | 5.950.000     |
| 152 | HÀ PHƯƠNG TRÂM       | 02/11/1992 | Nữ  | 217 Nguyễn Xí, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                           | 730.450.653   |
| 153 | HÀ THỊ MỸ TRINH      | 08/04/1997 | Nữ  | 30/26 Lê Văn Chân, toOr 7, khu vực 1, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai      | 42.000.000    |
| 154 | HÀ THU HOÀI          | 19/04/2000 | Nữ  | tổ dân phố Mạc Liên Hà, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình                      | 4.500.000     |
| 155 | HÀ TRONG THỨC        | 22/08/1994 | Nam | tổ dân phố Phong Phú, phường Hòa Thắng, tỉnh Khánh Hòa                       | 10.771.543    |
| 156 | HÀ TRUNG NHÂN        | 02/09/2000 | Nam | Áp Rau dừa B, xã Hưng Mỹ, tỉnh Cà Mau                                        | 2.975.000     |
| 157 | HÀ TRƯỜNG HUY        | 13/02/2001 | Nam | Thôn Lam Sơn, xã Tây Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                                | 13.150.000    |

|     |                      |            |     |                                                                                                              |               |
|-----|----------------------|------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 158 | HỒ ĐĂNG ĐỊNH         | 22/12/1985 | Nam | 151 Phan Đình Phùng, phường Thuận Hóa, TP Huế                                                                | 72.677.334    |
| 159 | HỒ ĐĂNG QUANG        | 11/04/1996 | Nam | 35e/235 Bà Triệu, phường Vỹ Dạ, TP Huế                                                                       | 291.667       |
| 160 | HỒ DƯƠNG GIA BẢO     | 16/10/2001 | Nam | Tổ 14, phường An Khê, tỉnh Gia Lai                                                                           | 4.918.667     |
| 161 | HỒ MINH TÂM          | 07/01/1985 | Nữ  | K86/19 Đồng Đa, tổ 10, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                    | 125.547.164   |
| 162 | HỒ MINH TÂM          | 03/07/1999 | Nam | Tổ Dân phố An Truyền, phường Mỹ Thương, thành phố Huế                                                        | 3.570.000     |
| 163 | HỒ MINH TRÍ          | 21/09/1993 | Nam | Thôn Thạnh Mỹ, xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa                                                                   | 13.171.809    |
| 164 | HỒ THANH NHÃ         | 01/08/1993 | Nữ  | Căn hộ chung cư số SSH9.07-01 (tầng 7), ô SSH09, KĐT M Lê Hồng Phong 1, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 15.048.500    |
| 165 | HỒ THANH THÁI        | 20/11/2001 | Nam | 55 Lý Đạo Thành, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                                            | 12.080.000    |
| 166 | HỒ THỊ DIỄM TRINH    | 22/08/1991 | Nữ  | 42 Trần Quý Cáp, TDP 2, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk                                                          | 5.820.652     |
| 167 | HỒ THỊ KIỀU TRANG    | 01/02/1981 | Nữ  | Tổ 13 Khuê Mỹ, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                        | 4.500.000     |
| 168 | HỒ THỊ KIM LOAN      | 02/10/1999 | Nữ  | Số nhà 142M, ấp Long Hiệp, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh                                               | 569.681       |
| 169 | HỒ THỊ KIM OANH      | 08/03/1999 | Nữ  | 142/1 Nguyễn Lộ Trách, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế                                                           | 19.163.056    |
| 170 | HỒ THỊ KIM YẾN       | 05/09/1989 | Nữ  | 105/22, Nguyễn Tri Phương, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                               | 10.199.000    |
| 171 | HỒ THỊ NGÀ           | 28/03/1993 | Nữ  | 233 Hoàng Diệu, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                           | 125.167.116   |
| 172 | HỒ THỊ NGỌC ANH      | 19/04/1987 | Nữ  | 27/59 Duy Tân, phường An Cựu, thành phố Huế                                                                  | 31.208.333    |
| 173 | HỒ THỊ NGỌC THƠ      | 02/03/1989 | Nữ  | 154 Kiều Phụng, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                           | 2.550.000     |
| 174 | HỒ THỊ NHUNG         | 10/12/1990 | Nữ  | Thôn Cư Chánh 2, phường Thủy Xuân, Thành phố Huế                                                             | 2.651.630     |
| 175 | HỒ THỊ PHƯƠNG        | 28/02/1990 | Nữ  | thôn Phú Phước, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                                 | 647.077.843   |
| 176 | HỒ THỊ THANH GIANG   | 21/01/1997 | Nữ  | Thôn Trung Phú, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng                                                           | 2.903.079.208 |
| 177 | HỒ THỊ THU HIỀN      | 15/05/1989 | Nữ  | 14c Kiệt 71 Nhật Lệ, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                          | 2.552.083     |
| 178 | HỒ THỊ THU PHƯƠNG    | 02/05/1993 | Nữ  | Tổ 1 Khu phố 8, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                                            | 564.502.200   |
| 179 | HỒ THỊ THU THỦY      | 20/04/1988 | Nữ  | Tổ Dân Phố Phước Tường 6, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                                   | 39.640.833    |
| 180 | HỒ THỊ TRÚC QUỲNH    | 21/02/1991 | Nữ  | Tổ 24, Khu Vực 5, Phường Hải Cảng, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định                                             | 3.000.000     |
| 181 | HỒ THỊ TƯ            | 08/02/1992 | Nữ  | Tổ 12, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                                                                  | 4.164.146.074 |
| 182 | HỒ THỊ TÙNG          | 07/08/1987 | Nữ  | CH707, T7NCT2, KDTM An Vân Dương, Phường Vỹ Dạ, thành phố Huế                                                | 5.095.833     |
| 183 | HỒ THỊ XUÂN NGÀ      | 18/06/1996 | Nữ  | Tổ dân phố Quảng Ngạn 3, phường Phong Quảng, thành phố Huế                                                   | 2.000.000     |
| 184 | HỒ TRỌNG NGHĨA       | 10/09/1991 | Nam | 174 Đồng Nai, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                           | 30.669.777    |
| 185 | HỒ VĂN CÔNG THỊNH    | 21/03/1996 | Nam | 128/1 Trần Nhân Tông, Tổ 6, Thanh Nam, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng                                 | 108.957.083   |
| 186 | HỒ VĂN HẬU           | 27/02/1997 | Nam | Đơn Quế, Hải Quế, Hải Lăng, Quảng Trị                                                                        | 808.108.578   |
| 187 | HỒ VĂN KHÔI          | 18/09/1994 | Nam | Tổ 21, KV7, phường An Cựu, thành phố Huế                                                                     | 375.000       |
| 188 | HỒ VÕ THIÊN ĐỨC      | 16/08/1997 | Nam | 52 Mạc Thị Bưởi, phường Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk                                                               | 2.025.532     |
| 189 | HOÀNG ANH MINH       | 16/08/1997 | Nam | Tổ 11, Tổ dân phố Long Thành, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình                                                 | 11.325.000    |
| 190 | HOÀNG ĐÌNH THẮNG     | 09/08/1984 | Nam | Tổ dân phố Hương Toàn, phường Kim Trà, thành phố Huế                                                         | 63.006.249    |
| 191 | HOÀNG ĐỨC PHƯỚC      | 20/06/1990 | Nam | Căn hộ 30-16 chung cư PVC-IC DIAMOND, số 33A Đường 30/4, phường Tam Thăng, thành phố Hồ Chí Minh             | 3.544.681     |
| 192 | HOÀNG DUY PHƯƠNG     | 21/11/1994 | Nam | Kiệt 71/56 TÔN ĐÀN, Tổ dân Phố Bình Thuận 4, phường An Khê, Đà Nẵng                                          | 1.500.000     |
| 193 | HOÀNG HỒ HUỲNH THỐNG | 26/01/1994 | Nam | Tổ 2 Hòa Tây, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                           | 2.468.617     |
| 194 | HOÀNG HỮU THẮNG      | 28/10/1993 | Nam | 50 Trần Nguyên Hãn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa                                                         | 6.375.000     |
| 195 | HOÀNG LINH CHI       | 03/05/1990 | Nữ  | Khu phố 8, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Bình                                                                   | 1.162.500     |
| 196 | HOÀNG MẠNH HÀ        | 11/05/1981 | Nam | Tổ dân phố Nam Lý 4, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                                        | 13.149.514    |
| 197 | HOÀNG NGỌC THÚY VI   | 04/03/1992 | Nữ  | Tổ 7, Tổ dân phố Hữu Nghị, Phường Đồng Hà, tỉnh Quảng Bình                                                   | 73.766.667    |

|     |                             |            |     |                                                                                              |               |
|-----|-----------------------------|------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 198 | HOÀNG NHẬT QUYỀN            | 14/09/1993 | Nam | Thôn Dinh Mười, Xã Ninh Châu, Tỉnh Quảng Bình                                                | 42.053.403    |
| 199 | HOÀNG PHÚ QUYỀN             | 02/08/1983 | Nam | Thôn Đức Sơn, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                               | 6.842.500     |
| 200 | HOÀNG PHƯƠNG THẢO           | 11/12/1999 | Nữ  | thôn Như Quỳnh, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                                                  | 18.845.666    |
| 201 | HOÀNG QUẢNG KHÁNH<br>NGUYỄN | 11/05/1996 | Nam | 01 Trần Cao Vân, xã Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình                                                 | 104.613.084   |
| 202 | HOÀNG QUỐC THẮNG            | 07/09/1992 | Nam | 2C Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                | 2.908.889     |
| 203 | HOÀNG SÔNG ĐÀ               | 15/10/1982 | Nữ  | TDP Bình Phúc, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                              | 168.561.335   |
| 204 | HOÀNG THÀNH LONG            | 10/06/1994 | Nam | Tổ 08, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                | 763.103.667   |
| 205 | HOÀNG THANH NHÂN            | 26/04/1999 | Nữ  | 13/229 Trần Quý Khoáng, TDP Hàng Tổng, phường Hương An, thành phố Huế                        | 31.923.262    |
| 206 | HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC         | 11/10/1997 | Nữ  | SỐ 8 NGÕ 99 TÔ 29, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội.                                       | 4.025.000     |
| 207 | HOÀNG THỊ HÀ                | 22/06/2001 | Nữ  | Thôn Đông Thuận, xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Bình                                              | 3.775.000     |
| 208 | HOÀNG THỊ HỒNG<br>NHUNG     | 14/03/1992 | Nữ  | Tổ 34, khu phố 3, phường Bảo Vinh, tỉnh Đồng Nai                                             | 374.347.193   |
| 209 | HOÀNG THỊ HƯỜNG             | 20/06/1997 | Nữ  | Xóm Hiệp Nam, thôn Đại Khoang, xã Hội Sơn, tỉnh Gia Lai                                      | 1.910.006.557 |
| 210 | HOÀNG THỊ KIỀU TRANG        | 19/04/2001 | Nữ  | TDP Đông Phước 1, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                           | 28.516.667    |
| 211 | HOÀNG THỊ MÃI               | 16/11/1996 | Nữ  | Vĩnh Ninh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình                                                    | 90.122.167    |
| 212 | HOÀNG THỊ NGỌC NGÂN         | 27/03/1988 | Nữ  | 24 Ngọc Hồi, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                             | 1.109.218.167 |
| 213 | HOÀNG THỊ NHẬT NGÂN         | 11/07/1999 | Nữ  | Số 23 Phan Huy Chú, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Bình                                            | 23.645.000    |
| 214 | HOÀNG THỊ NHƯ<br>PHƯƠNG     | 19/07/1994 | Nữ  | 112/128 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                    | 1.500.000     |
| 215 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG<br>THỦY    | 08/02/1982 | Nữ  | Căn hộ 62, toà 1C, chung cư Xuân Phú, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế                            | 39.438.834    |
| 216 | HOÀNG THỊ TÂM               | 24/03/1993 | Nữ  | NCT Nguyễn Thị Phương, 21-23 Bình Hoà 5, Tổ 49KT, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng           | 14.766.667    |
| 217 | HOÀNG THỊ THANH BÌNH        | 16/07/1983 | Nữ  | 76 Nguyễn Hữu Thận, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                         | 1.250.840.416 |
| 218 | HOÀNG THỊ THANH<br>LOAN     | 23/02/1986 | Nữ  | 21 Hà Văn Cách, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                             | 84.683.083    |
| 219 | HOÀNG THỊ THU               | 13/07/1988 | Nữ  | Tổ dân phố Xuân Thiều 8, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng                                   | 1.500.000     |
| 220 | HOÀNG THỊ THU THỦY          | 01/02/1979 | Nữ  | 135 Cự Lộc, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội                                              | 1.600.000     |
| 221 | HOÀNG THỊ THUY<br>TRANG     | 13/02/1986 | Nữ  | 144 Ngô Đức Kế, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                               | 56.138.333    |
| 222 | HOÀNG THỊ TÔ NHƯ            | 15/03/1989 | Nữ  | Tổ 46, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                      | 581.526.249   |
| 223 | HOÀNG TRUNG HIẾU            | 29/04/1997 | Nam | TDP 9, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình                                                      | 91.150.584    |
| 224 | HOÀNG VĂN NGUYỄN            | 11/02/2001 | Nam | TDP Lỗ Xá, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                                                      | 1.202.660     |
| 225 | HOÀNG VĂN TRUNG             | 10/05/1985 | Nam | Tổ dân phố Tân Long, phường Vững Áng, tỉnh Hà Tĩnh                                           | 1.265.957     |
| 226 | HỨA DUY LINH                | 16/06/2001 | Nam | Thôn 5, Xã Tân Tiến, Tỉnh Đắk Lắk                                                            | 8.973.810     |
| 227 | HỨA MẠNH TIẾN               | 24/07/1986 | Nam | Căn hộ số B5.02 khối B, khu nhà ở Nam Sài Gòn Residences 1, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh | 95.715.125    |
| 228 | HỨA THỊ MỸ DUYÊN            | 17/10/1998 | Nữ  | Phú Xuân, xã Phú Thuận, thành phố Đà Nẵng                                                    | 1.969.388.780 |
| 229 | HUỖNH DUY LONG              | 31/01/2000 | Nam | 39/104 kim long, phường Kim Long, thành phố Huế                                              | 76.759.083    |
| 230 | HUỖNH GIA PHÚC TÔN          | 03/03/1995 | Nam | Thôn Phú Hội II, xã Vạn Thắng, tỉnh Khánh Hòa                                                | 17.011.500    |
| 231 | HUỖNH GIA TUYẾT<br>HANH     | 15/05/1993 | Nữ  | Tổ 52, KV10, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                   | 1.500.000     |
| 232 | HUỖNH LÊ DUY LỢI            | 09/12/1995 | Nam | Số nhà 2A, Kiệt 27 Ngự Bình, phường An Cựu, thành phố Huế                                    | 10.195.833    |
| 233 | HUỖNH LÊ THÙY TRANG         | 13/10/1997 | Nữ  | Thôn An Đông, xã Hiệp Đức, thành phố Đà Nẵng                                                 | 7.200.000     |
| 234 | HUỖNH LONG TÚ               | 22/10/2000 | Nam | 34/14 Trần Thị Kỳ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                         | 39.985.834    |
| 235 | HUỖNH MINH HIẾU             | 11/03/1988 | Nam | 33 Mang Cá, Phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                   | 41.225.000    |
| 236 | HUỖNH MINH KHA              | 12/02/2002 | Nam | 24B Lý Nam Đế. TDP An Hòa, Phường Hương An, thành phố Huế                                    | 2.201.500     |
| 237 | HUỖNH MINH KHÁNH            | 11/10/1989 | Nam | 105 Huỳnh Lý, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                             | 21.670.000    |

|     |                       |            |     |                                                                                        |               |
|-----|-----------------------|------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 238 | HUYNH NGOC BAO NGÂN   | 25/04/1993 | Nữ  | 171 Nguyễn Hiền Lê, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                 | 3.800.000     |
| 239 | HUỶNH NGỌC ĐÔNG       | 20/06/1997 | Nam | Xóm 5, Thôn Đức Phổ, xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai                                            | 144.212.311   |
| 240 | HUỶNH NHẬT DUY        | 12/09/2001 | Nam | Tổ 2, KV 4, phường Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                              | 3.700.000     |
| 241 | HUỶNH PHONG           | 06/04/1991 | Nam | 122 Võ Chí Công, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng                                         | 40.590.750    |
| 242 | HUỶNH TÂN ĐẠT         | 09/01/1997 | Nam | 59/8, Đường số 10, Khu phố 19, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 90.346.472    |
| 243 | HUỶNH THÊ QUANG       | 05/01/1998 | Nam | 294 Nguyễn Tất Thành, Tổ Dân Phố Thủy Dương 6, phường Thanh Thủy, thành phố Huế        | 2.908.889     |
| 244 | HUỶNH THỊ CẨM LINH    | 28/10/1989 | Nữ  | 134 LÝ TRIỆN, Tổ Dân Phố Phần Lãng 1, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                 | 1.555.538.396 |
| 245 | HUỶNH THỊ DIỄM HẰNG   | 01/01/1987 | Nữ  | Thôn Phong Thử 1, xã Điện Bàn Tây, thành phố Đà Nẵng                                   | 9.370.000     |
| 246 | HUỶNH THỊ DIỆP HOÀNG  | 11/01/1996 | Nữ  | 515/7 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                  | 28.207.500    |
| 247 | HUỶNH THỊ DUNG        | 15/01/1998 | Nữ  | Xóm 4, Thôn Bình Nguyên, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi                                  | 6.200.000     |
| 248 | HUỶNH THỊ HIỆP        | 18/12/1986 | Nữ  | Khối phố TỨ HÀ, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                                | 2.217.483.651 |
| 249 | HUỶNH THỊ KIỀU DUYÊN  | 10/10/1987 | Nữ  | 18/10 Trịnh Cương, TDP Phù Nam, phường Hương Thủy, thành phố Huế                       | 2.558.500     |
| 250 | HUỶNH THỊ LỆ          | 03/03/1989 | Nữ  | 30 Nại Nghĩa 5, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                                      | 2.313.221.750 |
| 251 | HUỶNH THỊ MINH ÂN     | 04/04/1991 | Nữ  | SỐ 04 PHAN THỨC DUYỆN, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                          | 3.745.068.143 |
| 252 | HUỶNH THỊ MỸ LIÊN     | 08/01/1992 | Nữ  | 35 Tiên Sơn 20, phường Hòa Cường, thph phố Đà Nẵng                                     | 8.750.000     |
| 253 | HUỶNH THỊ NGỌC DUNG   | 04/04/1999 | Nữ  | MD85 Khu đô thị Ecocity, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk                                   | 21.675.000    |
| 254 | HUỶNH THỊ NHƯ DUYÊN   | 18/11/1993 | Nữ  | Thôn Thịnh Văn 2, xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai                                            | 25.800.000    |
| 255 | HUỶNH THỊ NỖ          | 20/12/1991 | Nữ  | Tổ 9, thôn Vinh Huy, xã Đồng Dương, thành phố Đà Nẵng                                  | 793.222.165   |
| 256 | HUỶNH THỊ PHƯỚC TRUNG | 09/09/1992 | Nữ  | Thôn Thạch Thượng, xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng                                       | 34.160.417    |
| 257 | HUỶNH THỊ QUỲNH NHƯ   | 14/10/1995 | Nữ  | Thôn Thạch Nham Đông, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng                                      | 412.248.583   |
| 258 | HUỶNH THỊ THUY DUNG   | 21/08/1996 | Nữ  | Thôn An Bằng, xã Phú Thuận, thành phố Đà Nẵng                                          | 750.000       |
| 259 | HUỶNH THỊ TÔ UYÊN     | 24/04/1984 | Nữ  | 48 Mai Di, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                         | 186.440.000   |
| 260 | HUỶNH THỊ TRANG       | 02/11/1998 | Nữ  | Tổ 43, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                             | 261.282.279   |
| 261 | HUỶNH THỊ TƯỜNG VY    | 07/12/1997 | Nữ  | K139/59 Trần Quang Khải, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                             | 11.000.000    |
| 262 | HUỶNH THUY TRANG      | 29/02/1988 | Nữ  | TDP 6A, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk                                             | 25.706.711    |
| 263 | HUỶNH TRUNG PHONG     | 13/07/1987 | Nam | Số 43, tổ 8, Khu phố 7, Phường Tây Ninh, Tỉnh Long An                                  | 71.022.467    |
| 264 | HUỶNH TRUNG SƠN       | 24/12/1993 | Nam | Số nhà 38A, Đường Đinh Hữu Thuật, Tổ 20, Khu phố Phú Mỹ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp | 776.087       |
| 265 | KHÔNG HOÀNG SINH      | 26/10/1995 | Nam | Tổ 1, Khu Phố 33, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                        | 358.300.585   |
| 266 | LẠI DUY TÀI           | 02/02/1994 | Nam | Thôn Láng Cát, phường Tân Hải, Thành phố Hồ Chí Minh                                   | 1.577.172     |
| 267 | LẠI THỊ HUYỀN TRANG   | 02/12/1992 | Nữ  | 100 Nguyễn Tri Phương, phường Tam Thăng, thành phố Hồ Chí Minh                         | 158.324.385   |
| 268 | LẠI VŨ KHÁNH DUY      | 01/04/1993 | Nam | 15C Trần Khánh Dư, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.                                   | 13.475.000    |
| 269 | LÂM CHÍNH HỖ          | 21/03/1995 | Nam | 102 Ấp 102, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh                                           | 2.763.444     |
| 270 | LÂM NGÂN HUỶNH        | 21/10/2000 | Nữ  | B1715 Chung cư Lô B, 199 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh     | 750.000       |
| 271 | LÂM THỊ CẨM VIÊN      | 04/08/2000 | Nữ  | 57 Nguyễn Sơn, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                     | 16.000.000    |
| 272 | LÊ AN KHÁNH           | 14/12/1983 | Nam | CC Bình Phú 2, Nguyễn Chích, Tổ 11 Hòa Trung, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     | 73.564.583    |
| 273 | LÊ ANH ĐỨC            | 18/05/1990 | Nam | đường Xuân Thủy, tổ dân phố 11, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Bình                     | 5.077.017     |
| 274 | LÊ BÁ KHÁNH TÙNG      | 26/10/1988 | Nam | K74/18 Võ Văn Kiệt, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                   | 6.522.887.899 |
| 275 | LÊ BÁ LỘC             | 27/01/1991 | Nam | 06 Thái phiên, Phường Phú Xuân, thành phố Huế                                          | 45.114.964    |
| 276 | LÊ BẢO DUY            | 09/02/1996 | Nam | K45B/8 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                          | 2.044.224.681 |
| 277 | LÊ BẢO TRUNG          | 18/05/1991 | Nam | 21, Văn Lang, phường Phong Điền, thành phố Huế                                         | 22.270.496    |

|     |                      |            |     |                                                                                                                 |               |
|-----|----------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 278 | LÊ CHI UYÊN          | 06/01/1993 | Nữ  | Số 18, đường số 6B, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                            | 5.600.000     |
| 279 | LÊ ĐĂNG KHOA         | 12/07/1990 | Nam | 314/74/5/2 Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh                                               | 20.627.333    |
| 280 | LÊ ĐÌNH DƯƠNG        | 05/12/1991 | Nam | Phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                                                             | 729.167       |
| 281 | LÊ ĐÌNH TUẤN         | 26/11/1995 | Nam | TDP Đa Cốc, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng                                                           | 600.000       |
| 282 | LÊ ĐÌNH VĂN          | 21/07/1997 | Nam | 05 HIẾN LƯƠNG, Khu phố 2, Phường Đồng Hà, tỉnh Quảng Bình                                                       | 219.889.739   |
| 283 | LÊ ĐỨC LINH          | 12/02/1997 | Nam | Thôn Thái Lai, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng                                                                      | 190.350.170   |
| 284 | LÊ ĐỨC THỊNH         | 16/06/1999 | Nam | 71 Nguyễn Huệ, Phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                                  | 11.362.167    |
| 285 | LÊ ĐỨC TIỀN          | 20/09/1993 | Nam | Thôn Thống Nhất, xã Khe Tre, thành phố Huế                                                                      | 1.875.543     |
| 286 | LÊ HOÀI LONG         | 30/06/1988 | Nam | Tổ 10, Tổ dân phố Hữu Nghi, phường Đồng Hà, tỉnh Quảng Bình                                                     | 450.000       |
| 287 | LÊ HOÀI NGHĨA        | 12/05/1994 | Nam | 62/25/26A Lâm Văn Bền, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh                                                   | 185.041.667   |
| 288 | LÊ HOÀNG GIANG       | 11/06/1998 | Nam | chung cư số 5.18 Tầng 5 Tháp T5(Ak6) Block D Chung cư cao tầng Akari Hoàng Nam số 77 Võ Văn Kiệt, phường An Lạc | 38.120.485    |
| 289 | LÊ HOÀNG PHÚC        | 07/01/1999 | Nam | 162/2/12A Trần Quang Diệu, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ                                                  | 40.975.566    |
| 290 | LÊ HỮU HÀ            | 01/12/1990 | Nam | 7 kiệt 32 Tôn Thất Tùng, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                        | 3.266.667     |
| 291 | LÊ KHÁNH PHƯƠNG      | 02/09/1998 | Nữ  | Khu phố 6, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                                  | 1.700.000     |
| 292 | LÊ KIM NGỌC          | 08/02/1996 | Nữ  | 36 đường Nguyễn Trãi, Thôn 4, xã Tân Minh, Thành phố Hồ Chí Minh                                                | 21.725.590    |
| 293 | LÊ LÂM NGỌC SƠN      | 18/06/2001 | Nam | Thôn Bình Đông, xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi                                                                     | 5.116.667     |
| 294 | LÊ MINH DƯƠNG        | 18/07/1999 | Nam | Thôn 6, xã Sơn Lang, tỉnh Gia Lai                                                                               | 6.500.000     |
| 295 | LÊ MINH HẢI          | 28/02/1993 | Nam | 10/32 Nguyễn Đình Chiểu, Buôn Akô Đông, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                                      | 121.673.417   |
| 296 | LÊ MINH NGỌC         | 09/03/1993 | Nam | Thôn 1, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk                                                                             | 495.833       |
| 297 | LÊ MINH PHONG        | 03/08/1978 | Nam | 127/12/25 Phạm Hồng Thái, phường Tam Thăng, Thành phố Hồ Chí Minh                                               | 7.657.500     |
| 298 | LÊ MINH SANG         | 11/12/1995 | Nam | 622/6B Cộng Hòa, khu phố 22, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh                                             | 6.752.083     |
| 299 | LÊ MINH THẮNG        | 04/08/1994 | Nam | 39 Phan Đình Phùng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                          | 3.950.000     |
| 300 | LÊ MINH THÔNG        | 22/01/1996 | Nam | 388A1/14B KV2, phường Tân An, tỉnh Cần Thơ                                                                      | 1.549.479     |
| 301 | LÊ MINH TIỀN         | 06/07/2000 | Nam | 9 ngõ 193 Bạch Đằng, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội                                                           | 5.419.234     |
| 302 | LÊ MỸ HOÀN           | 28/03/1999 | Nữ  | 50 Thanh Lương 16, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                           | 524.660.093   |
| 303 | LÊ NGỌC THANH THẢO   | 15/09/1995 | Nữ  | 110/13/10 Phạm Hồng Thái, Khu Phố 19, phường Tam Thăng, thành phố Hồ Chí Minh                                   | 122.178.083   |
| 304 | LÊ NGỌC THIÊN KIM    | 17/04/1992 | Nam | 362/3 Lương Định Của, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                      | 5.063.830     |
| 305 | LÊ NGỌC VÂN NHI      | 06/04/1996 | Nữ  | Khu phố 7, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa                                                                        | 20.365.833    |
| 306 | LÊ NGUYỄN ĐĂNG KHOA  | 18/07/1992 | Nam | 37 Ngô Gia Tự, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ                                                              | 15.060.000    |
| 307 | LÊ NGUYỄN ĐIỂM MY    | 24/12/1989 | Nữ  | 49/37 Võ Văn Kiệt, Phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk                                                              | 2.665.104     |
| 308 | LÊ NGUYỄN PHƯƠNG ANH | 25/12/2000 | Nữ  | 74A Phạm Thị Liên, phường Kim Long, thành phố Huế                                                               | 21.095.080    |
| 309 | LÊ NGUYỄN VĨNH HẰNG  | 18/04/1989 | Nữ  | Thôn Kim Tây, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai                                                                   | 2.777.026.293 |
| 310 | LÊ NHƯ CỬA           | 08/05/2001 | Nam | Tổ dân phố Ninh Phụng 2, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                                                        | 1.000.000     |
| 311 | LÊ NHỮ HẢI NAM       | 25/08/1995 | Nam | Số 38 NGUYỄN BIỂU B2, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                      | 13.463.021    |
| 312 | LÊ NY                | 22/04/1990 | Nữ  | Tổ dân phố Đồng Sơn, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình                                                           | 7.078.167     |
| 313 | LÊ PHAN THUẬN YÊN    | 01/01/1988 | Nữ  | số 10 Kiệt 43 Nguyễn Công Trứ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                  | 46.666.261    |
| 314 | LÊ PHÚC QUÝ          | 13/10/1999 | Nam | thôn Xuân Phú, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa                                                                     | 675.000       |
| 315 | LÊ PHƯỚC SONG BẢO    | 10/04/1992 | Nam | K22/16 Trần Hoàng, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                       | 3.992.613.650 |
| 316 | LÊ PHƯƠNG THẢO       | 05/04/1982 | Nữ  | K18/H51/22 Ông Ích Khiêm, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng                                                    | 945.834       |
| 317 | LÊ QUANG ANH VŨ      | 26/10/1987 | Nam | 13/2 A CHÁU VĂN LIÊM, phường Long Xuyên, tỉnh Kiên Giang                                                        | 29.084.875    |

|     |                    |            |     |                                                                                   |               |
|-----|--------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 318 | LÊ QUANG TÂN       | 22/09/1991 | Nam | Hòa Tiến 1, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk                                            | 2.975.000     |
| 319 | LÊ QUANG TỎ        | 06/08/1986 | Nam | Thôn Triệu Ái, xã Ái Tử, tỉnh Quảng Bình                                          | 19.850.000    |
| 320 | LÊ QUỐC            | 05/10/2000 | Nam | Thôn Thuận Lộc, xã Bình Điền, thành phố Huế                                       | 5.934.478     |
| 321 | LÊ SĨ PHÚ          | 09/11/2000 | Nam | Thôn Long Bình, xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk                                       | 28.101.125    |
| 322 | LÊ TÁT HÙNG        | 20/10/2001 | Nam | 8/116 Nguyễn Lộ Trach, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế                                | 4.083.333     |
| 323 | LÊ TÁT THÀNH       | 30/10/1987 | Nam | Thôn Nhĩ Trung, Xã Gio Hải, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị                        | 587.500       |
| 324 | LÊ THANH HUYỀN     | 01/09/1996 | Nữ  | thôn Trúc Lâm, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Bình                                       | 250.123.253   |
| 325 | LÊ THÀNH NHÂN      | 26/08/1994 | Nam | 159 Bùi Xuân Phái, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                  | 3.600.000     |
| 326 | LÊ THỊ ÁI NHÌ      | 08/03/1998 | Nữ  | Thôn Tây Gia, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                        | 971.958.859   |
| 327 | LÊ THỊ BẠCH THUỘC  | 26/02/1990 | Nữ  | 179/25 Lê Duẩn, Khu phố 1, Phường 1, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình          | 2.392.192.258 |
| 328 | LÊ THỊ BÍCH THÁI   | 16/01/1995 | Nữ  | Tổ dân phố Trường Định, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng                         | 1.021.184.183 |
| 329 | LÊ THỊ CẨM NHUNG   | 18/10/2000 | Nữ  | K05/66 Đường Lê Trọng Tấn, Tổ Dân Phố Tân Hòa 1, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng | 31.883.333    |
| 330 | LÊ THỊ CẨM NHUNG   | 22/05/1997 | Nữ  | 25 Nguyễn Hữu Cánh, Tổ 3, ấp An Thịnh, xã An Phú, tỉnh Kiên Giang                 | 5.213.697     |
| 331 | LÊ THỊ CỎ          | 18/06/1989 | Nữ  | Thôn Ngọc Kinh, xã Hà Nha, thành phố Đà Nẵng                                      | 265.051.666   |
| 332 | LÊ THỊ GIANG       | 20/04/1994 | Nữ  | 41 Hàm Nghi, khu phố 7, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                           | 100.459.574   |
| 333 | LÊ THỊ HÀ TIÊN     | 01/12/1988 | Nữ  | 08 Trần Kim Xuyên, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                             | 583.282.807   |
| 334 | LÊ THỊ HOÀI LY     | 04/02/1994 | Nữ  | 144 Hoàng Hiệp, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                | 129.154.999   |
| 335 | LÊ THỊ HOÀNG YÊN   | 29/11/1997 | Nữ  | 156 Phan Bội Châu, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                | 1.436.982.711 |
| 336 | LÊ THỊ HUỆ         | 07/01/1995 | Nữ  | Nhà 33 Kiệt 68 đường Trần Phú, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                    | 2.586.957     |
| 337 | LÊ THỊ HUỆ         | 22/08/1987 | Nữ  | 35kc, TDP Sơn Phước, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                         | 2.975.000     |
| 338 | LÊ THỊ KIỀU TRINH  | 22/05/2000 | Nữ  | thôn ray Sáp, xã Ea Na, tỉnh Đắk Lắk                                              | 10.600.000    |
| 339 | LÊ THỊ KIM ANH     | 26/02/1993 | Nữ  | 808/13 Huỳnh Tân Phát, ấp 37, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh                    | 38.819.792    |
| 340 | LÊ THỊ KIM CHI     | 19/01/1991 | Nữ  | Thôn Phú Phước, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                      | 880.363.352   |
| 341 | LÊ THỊ KIM NGỌC    | 15/09/1992 | Nữ  | A605, Chung cư An Phú, Phường Ba Láng, Huyện Cái Răng, Tỉnh Cần Thơ               | 2.320.500     |
| 342 | LÊ THỊ KIM NGUYỆT  | 08/09/1993 | Nữ  | 60 Nguyễn Bình Khiêm, Tổ 18A, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                    | 95.640.000    |
| 343 | LÊ THỊ KIM PHƯƠNG  | 29/07/1985 | Nữ  | Tổ 5 Khu vực 7, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                 | 1.500.000     |
| 344 | LÊ THỊ LOAN        | 18/03/1991 | Nữ  | 50 Lưu Hữu Phước, phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh                          | 56.318.850    |
| 345 | LÊ THỊ MINH HUỆ    | 19/07/2000 | Nữ  | Thôn Cháp Lễ, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Bình                                       | 1.500.000     |
| 346 | LÊ THỊ MINH HƯỜNG  | 01/05/1991 | Nữ  | P706 Nhà công vụ sư đoàn 372, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                 | 2.880.000     |
| 347 | LÊ THỊ MINH THỦY   | 20/11/1995 | Nữ  | TDP Đông Xuân, phường Kim Trà, thành phố Huế                                      | 2.975.000     |
| 348 | LÊ THỊ MỸ LỆ       | 30/10/2000 | Nữ  | K3/24 Phan Thành Tài, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                         | 426.489.676   |
| 349 | LÊ THỊ MỸ NỮ       | 10/04/1996 | Nữ  | 30 Trần Lương, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                  | 812.515.669   |
| 350 | LÊ THỊ MỸ TIÊN     | 20/09/1984 | Nữ  | 275 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                         | 2.425.000     |
| 351 | LÊ THỊ MỸ TRANG    | 02/09/1998 | Nữ  | 29 An Bắc 4, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                               | 7.000.000     |
| 352 | LÊ THỊ MỸ TRIỂN    | 15/10/1994 | Nữ  | Tổ Thanh Bình, khu phố Phụng Du 2, phường Hoài Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai             | 13.000.000    |
| 353 | LÊ THỊ NGÀ         | 15/08/1988 | Nữ  | TDP Thanh Thuận, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai                                | 6.816.666     |
| 354 | LÊ THỊ NGỌC ÁNH    | 02/02/2000 | Nữ  | 41 Bãi Sậy, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                      | 2.000.000     |
| 355 | LÊ THỊ NGỌC KHUYẾN | 20/01/1988 | Nữ  | Tổ 2, khu phố Hải Định, phường Long Hương, thành phố Hồ Chí Minh                  | 632.979       |
| 356 | LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG | 01/02/1984 | Nữ  | Tổ 74, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                                          | 2.257.014.776 |
| 357 | LÊ THỊ NGỌC TRINH  | 14/04/1996 | Nữ  | Chiết Bì, phường Hương Thủy, thành phố Huế                                        | 155.955.607   |

|     |                      |            |     |                                                                                                                       |                |
|-----|----------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 358 | LÊ THỊ NHƯ HOÀI      | 12/12/1993 | Nữ  | Nhà Lê Thanh Hoàng Số 113 Thôn Bình Tân, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk                                                     | 98.482.482     |
| 359 | LÊ THỊ NỮ            | 14/02/1998 | Nữ  | 09 Hoà An 24, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                                                        | 1.500.000      |
| 360 | LÊ THỊ PHƯỚC TRANG   | 23/12/1979 | Nữ  | 70 Dương Văn An, phường Võ Dạ, thành phố Huế                                                                          | 42.069.833     |
| 361 | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO   | 20/05/1994 | Nữ  | 171/20 Nguyễn Lộ Trạch, phường Võ Dạ, thành phố Huế                                                                   | 11.288.931     |
| 362 | LÊ THỊ SEN           | 22/02/1995 | Nữ  | K34/36 Lê Hữu Trác, tổ 33, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                                           | 5.000.000      |
| 363 | LÊ THỊ SƯƠNG         | 10/11/1995 | Nữ  | Tổ dân phố Phò An, phường Dương Nỗ, Thành phố Huế                                                                     | 233.333        |
| 364 | LÊ THỊ THANH NGÀ     | 29/03/1994 | Nữ  | K44/54/1 Đà Sơn, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                                  | 650.925.473    |
| 365 | LÊ THỊ THU HÀO       | 08/11/1997 | Nữ  | Thôn Phú Mỹ, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai                                                                               | 5.350.000      |
| 366 | LÊ THỊ THU PHƯƠNG    | 12/06/1997 | Nữ  | thôn Hiệp Hòa, xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Bình                                                                         | 12.816.667     |
| 367 | LÊ THỊ THỦY          | 15/05/1990 | Nữ  | thôn Phú Phước, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                                          | 20.230.199.891 |
| 368 | LÊ THỊ THỦY ÁI       | 20/10/1996 | Nữ  | thôn Vĩnh Long, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Bình                                                                         | 15.450.000     |
| 369 | LÊ THỊ THỦY HẰNG     | 14/12/1995 | Nữ  | K46/11 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                             | 528.190.509    |
| 370 | Lê Thị Thủy Trang    | 21/06/2000 | Nữ  | Ấp Thanh Phú, xã Tam Ngải, tỉnh Vĩnh Long                                                                             | 4.462.500      |
| 371 | LÊ THỊ TỎ QUYÊN      | 26/10/1994 | Nữ  | TDP Phước Lý 2, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                                   | 11.668.295.135 |
| 372 | LÊ THỊ VĂN ANH       | 15/03/1994 | Nữ  | TDP 9, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                                            | 1.500.000      |
| 373 | LÊ THỊ VI            | 12/12/1996 | Nữ  | Xóm Hưng Thịnh, xã Nghĩa Thọ, tỉnh Nghệ An                                                                            | 2.195.021.500  |
| 374 | LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG   | 17/09/1984 | Nữ  | Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Võ Dạ, thành phố Huế                                                                      | 91.858.833     |
| 375 | LÊ THIÊN TIỀN        | 01/01/1988 | Nam | Căn hộ chung cư số 17.4 Tầng 17 Khu A3, Chung cư Hoàng Anh Gold House, Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh | 7.635.714      |
| 376 | LÊ THIÊN TÙNG        | 11/03/1987 | Nam | TDP Ninh Diêm 1, phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                                                                 | 10.008.750     |
| 377 | LÊ THUẬN SỸ          | 10/03/1995 | Nam | Nhà trọ bà Văn Thị Thanh Trúc, Số 08, Tổ dân phố 15, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Bình                               | 6.723.500      |
| 378 | LÊ THỰC LINH         | 01/06/2000 | Nữ  | Tổ 39, Hoà Phú, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng                                                          | 67.075.916     |
| 379 | LÊ THỦY LINH PHƯƠNG  | 27/08/1990 | Nữ  | Thôn Thái Thông 1, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                               | 1.000.000      |
| 380 | LÊ TRẦN TẤN SUYN     | 30/01/1991 | Nam | Tổ dân phố An Ngải Tây 1, phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                         | 3.500.000      |
| 381 | LÊ TRƯƠNG BẢO LONG   | 03/10/1992 | Nam | B8.2 Chung cư B Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                   | 24.724.480     |
| 382 | LÊ TRƯỜNG GIANG      | 10/12/1991 | Nam | 80 Nguyễn Phan Chánh, TDP Lương Hoà, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                             | 1.931.250      |
| 383 | LÊ TRƯƠNG HOÀNG LIÊN | 20/10/1990 | Nữ  | 102/1 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                                      | 750.000        |
| 384 | LÊ TUYẾT TỎ NHƯ      | 21/07/2000 | Nữ  | Tổ dân phố Phan Bội Châu 2, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa                                                             | 6.012.500      |
| 385 | LÊ VĂN AN            | 07/09/1998 | Nam | K458/46 Ông Ích Khiêm, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                            | 542.486.771    |
| 386 | LÊ VĂN ĐOAN          | 12/04/1997 | Nam | Thôn Thái Lai, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng                                                                            | 65.821.170     |
| 387 | LÊ VĂN DUẤN          | 21/10/1994 | Nam | Thôn Hiền Lương, xã Cửa Tùng, tỉnh Quảng Bình                                                                         | 2.400.000      |
| 388 | LÊ VĂN MINH NGUYỄN   | 12/12/2001 | Nam | 33 Đặng Tất, TDP An Vân, phường Hương An, thành phố Huế                                                               | 1.611.458      |
| 389 | LÊ VĂN SƠN           | 25/04/1997 | Nam | Thôn Phú Ninh, xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá                                                                            | 814.254.167    |
| 390 | LÊ VĂN XUÂN SƠN      | 10/07/1999 | Nam | K130/H11/04 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng                                                        | 716.667        |
| 391 | LÊ VIỆT CƯỜNG        | 06/11/1976 | Nam | 7/5 Nguyễn Thị Định, phường Tam Thắng, thành phố Hồ Chí Minh                                                          | 5.781.250      |
| 392 | LÊ VŨ VIỆT ĐỨC       | 11/02/1991 | Nam | 55 Mai Thúc Loan, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                                      | 900.000        |
| 393 | LŨ NGỌC HÂN          | 03/12/1997 | Nữ  | Thôn Đại Diên Đông 1, xã Diên Diên, tỉnh Khánh Hòa                                                                    | 375.000        |
| 394 | LỤC HOÀNG LINH       | 08/09/1998 | Nam | số nhà 178, đường Lê Duẩn, thôn Phong Giang, xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Bình                                          | 3.500.000      |
| 395 | LỤC THỊ KIM DUNG     | 17/07/1986 | Nữ  | Tổ Dân Phố Tân An 1, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                                                 | 32.500.000     |
| 396 | LỤC TRỌNG NGHĨA      | 10/02/1987 | Nam | 44 Đinh Tiên Hoàng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                                  | 1.550.000      |
| 397 | LƯU ĐIỂM QUỲNH       | 25/10/2000 | Nữ  | 11 Chu Văn An, thôn Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk                                                                           | 21.931.604     |

|     |                     |            |     |                                                                                                                     |               |
|-----|---------------------|------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 398 | LƯU NGUYỄN HỒNG NHI | 26/03/1992 | Nữ  | 05/63 Phạm Thị Liên, phường Kim Long, thành phố Huế                                                                 | 2.552.083     |
| 399 | LƯU NHẬT NAM        | 10/02/1989 | Nam | Xóm Mỹ Bắc, thôn Phú Mỹ, xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi                                                                 | 876.090.170   |
| 400 | LƯU QUANG PHÚ       | 08/09/1989 | Nam | Thôn Ngọc Tiên, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang                                                                      | 213.745.001   |
| 401 | LÝ DA THẢO          | 27/06/1991 | Nữ  | Khu phố Cẩm Sa, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                                                             | 29.626.667    |
| 402 | MAI ANH QUÂN        | 21/12/1991 | Nam | 42 Mẹ Nhu, Tổ 12, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                               | 302.364.916   |
| 403 | MAI ĐỨC HẠNH        | 10/03/1984 | Nam | 237 Huỳnh Tịnh Của, TDP Miếu Bông 2, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng                                             | 3.000.000     |
| 404 | MAI MINH VƯƠNG      | 19/07/1993 | Nam | Nhon Hội, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định                                                                              | 70.337.748    |
| 405 | MAI MINH VƯƠNG      | 19/07/1993 | Nam | thôn Hội Tân, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai                                                                    | 4.950.000     |
| 406 | MAI PHƯƠNG THI      | 27/11/1995 | Nữ  | Căn hộ V2.16.04, Tầng 16, Block Venus thuộc Khu dân cư và Thương mại hỗn hợp Khải Vy (Q7 Saigon Riverside Complex), | 1.562.824.673 |
| 407 | MAI THỊ BÍCH TRÂM   | 26/02/1990 | Nữ  | Tổ 48 phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                                        | 66.394.485    |
| 408 | MAI THỊ KIM LOAN    | 25/04/1995 | Nữ  | 123/5 Nguyễn Huệ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                                     | 7.525.000     |
| 409 | MAI TRẦN TRÚC VY    | 19/01/1982 | Nữ  | STH03.19 Đường Số 2 Khu đô thị Lê Hồng Phong 2, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                | 26.260.000    |
| 410 | MAI VĂN DUY THÀNH   | 05/07/1993 | Nam | Thôn Trang Điền-Gia Nam, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                               | 1.500.000     |
| 411 | MAI XUÂN THIÊN      | 21/09/1985 | Nam | MBQH khu dân cư A-T, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                           | 5.945.000     |
| 412 | MỘC THỊ THÚY        | 12/03/2000 | Nữ  | thôn Hiền Đông, tỉnh Canh Vinh, tỉnh Gia Lai                                                                        | 2.000.000     |
| 413 | NGÔ ANH TÚ          | 26/03/1989 | Nam | thôn Hương Lam, xã Hoà Tiến, thành phố Đà Nẵng                                                                      | 34.468.540    |
| 414 | NGÔ DIỄM QUỲNH      | 02/06/2001 | Nữ  | Thôn Bắc Vọng Đông, xã Đan Điền, thành phố Huế                                                                      | 3.354.167     |
| 415 | NGÔ ĐỨC RIN         | 11/06/1985 | Nam | 4C Khu tập thể Bình Khê, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà                                                           | 10.617.553    |
| 416 | NGÔ GIA HUY         | 21/10/1998 | Nam | Số 9, đường 2/9, Tổ dân phố 3, phường Phú Bài, thành phố Huế                                                        | 16.783.333    |
| 417 | NGÔ HOÀI THANH      | 22/02/1992 | Nam | Khóm 5, phường Giá Rai, tỉnh Cà Mau                                                                                 | 15.447.167    |
| 418 | NGÔ HOÀNG QUÂN      | 30/07/2000 | Nam | Thôn Gia Du, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ                                                                            | 4.000.000     |
| 419 | NGÔ KHÁNH VÂN       | 01/12/1996 | Nữ  | 277 Phan Văn Khỏe, Khu phố 15, phường Bình Tây, thành phố Hồ Chí Minh                                               | 16.510.106    |
| 420 | NGÔ LAN HƯƠNG       | 05/04/1997 | Nữ  | 03 Phan Anh, phường An Cựu, thành phố Huế                                                                           | 8.017.857     |
| 421 | NGÔ PHƯƠNG THẢO     | 22/11/2001 | Nữ  | k82/50 Nguyễn Lương Bằng, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                                                      | 6.860.000     |
| 422 | NGÔ QUỐC ANH HUY    | 07/11/2002 | Nam | 21 Thanh Duyên, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                                  | 975.000       |
| 423 | NGÔ QUỐC ĐẠT        | 31/12/1990 | Nam | K132/29 Lý Tự Trọng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                             | 1.400.000     |
| 424 | NGÔ THANH HẰNG      | 24/08/1995 | Nữ  | 31 Thanh Niên, khu vực Kim Châu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai                                                     | 1.570.353.332 |
| 425 | NGÔ THANH QUÝ       | 22/12/1991 | Nam | Kiệt 46 Trần Phú, TDP 1, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                        | 2.000.000     |
| 426 | NGÔ THỊ ANH NGUYỄN  | 30/08/1993 | Nữ  | Tổ 7, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng                                                                                | 5.416.667     |
| 427 | NGÔ THỊ BÍCH HẢO    | 27/09/1989 | Nữ  | Số nhà 28, Ngõ 205/53, Đường Xuân Đình, TDP Trung 3, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội                             | 212.115.489   |
| 428 | NGÔ THỊ DIỆU THÚY   | 27/09/1999 | Nữ  | 12 Hà Huy Tập, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                                  | 4.000.000     |
| 429 | NGÔ THỊ HẢI NHÂN    | 02/04/2000 | Nữ  | thôn Vinh Quang, xã Vinh Linh, tỉnh Quảng Bình                                                                      | 13.000.000    |
| 430 | NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO | 07/11/2002 | Nữ  | 42/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Tổ dân phố 10, xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk                                                    | 2.428.571     |
| 431 | NGÔ THỊ THANH NHI   | 21/11/1983 | Nữ  | Thôn Đại Điền Đông 1, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa                                                                  | 18.192.000    |
| 432 | NGÔ TRẦN PHƯƠNG NAM | 24/02/1993 | Nam | Khu phố Thọ Lâm, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk                                                                      | 892.500       |
| 433 | NGÔ VĂN SINH        | 07/02/1995 | Nam | Thôn Đồng Nghệ, xã Hoà Tiến, Thành phố Đà Nẵng                                                                      | 10.100.000    |
| 434 | NGUYỄN ANH DUY      | 23/06/1996 | Nam | Số nhà 56A/4 ấp Long An, xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp                                                                | 6.381.915     |
| 435 | NGUYỄN ANH TRÍ      | 26/02/1996 | Nam | 622/10 Cộng Hòa, khu phố 15, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 46.510.667    |
| 436 | NGUYỄN ANH TUẤN     | 01/01/1998 | Nam | Tổ 3, Khu phố 8, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                                                  | 146.421.666   |
| 437 | NGUYỄN ANH TUẤN     | 09/06/1986 | Nam | Tổ 45, Khu phố 5, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                                 | 1.710.417     |

|     |                          |            |     |                                                                                                                                                                                                     |               |
|-----|--------------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 438 | NGUYỄN ANH TUẤN          | 16/09/1992 | Nam | Xóm 5, Diễn Hạnh, Diễn Châu, Nghệ An                                                                                                                                                                | 11.302.750    |
| 439 | NGUYỄN BÁ HỒ             | 08/01/1999 | Nam | Tổ 64, phường Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                                         | 7.354.167     |
| 440 | NGUYỄN BÁ MINH TRÍ       | 10/03/1988 | Nam | 32 Thích Tịnh Khiết, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                                                                                                                | 41.618.750    |
| 441 | NGUYỄN BẢO HUNG          | 29/09/1995 | Nam | 16 Tô Tịch, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                      | 250.433.890   |
| 442 | NGUYỄN BẢO LỘC           | 02/01/1994 | Nam | Số nhà 24, Kiệt 1065, đường Nguyễn Tất Thành, Tổ dân phố 1, phường Phú Bài, thành phố Huế                                                                                                           | 546.405.584   |
| 443 | NGUYỄN BẢO QUYÊN         | 21/09/2000 | Nữ  | Thôn 3, xã Nam Dong, tỉnh Lâm Đồng                                                                                                                                                                  | 1.760.714     |
| 444 | NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG THANH | 05/06/1998 | Nữ  | Hà Quảng Tây, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                               | 628.647.501   |
| 445 | NGUYỄN CẨM TIÊN          | 08/10/1997 | Nữ  | 71/88/11A Nguyễn Bắc, Khu Phố 3, phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                          | 66.038.389    |
| 446 | NGUYỄN CHÍ HẢI           | 06/02/1992 | Nam | Tổ dân phố Phò Trạch - Siêu Quần, phường Phong Đình, thành phố Huế                                                                                                                                  | 2.000.000     |
| 447 | NGUYỄN CHÍNH TRUNG       | 02/07/1995 | Nam | Tổ 19, khu phố 4, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                                                                                                                 | 1.500.000     |
| 448 | NGUYỄN CÔNG BẢO          | 07/10/1996 | Nam | Nhà số 08 đường Bùi Dương Lịch, Tổ 54, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                            | 9.550.000     |
| 449 | NGUYỄN CÔNG NHẬT         | 18/12/1988 | Nam | TDP Trung Đông, phường Mỹ Thương, thành phố Huế                                                                                                                                                     | 696.277       |
| 450 | NGUYỄN ĐẮC HỘI           | 07/06/1982 | Nam | Thôn Kim Nại, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Bình                                                                                                                                                       | 34.727.667    |
| 451 | NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG         | 13/11/1996 | Nam | C2/102 Phạm Hùng Ấp 30, xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                                         | 12.950.000    |
| 452 | NGUYỄN ĐẶNG ĐÌNH QUÂN    | 02/03/1991 | Nam | số 12 ngõ 93 phố Tô Vĩnh Diện, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội                                                                                                                                 | 4.367.553     |
| 453 | NGUYỄN ĐĂNG TUẤN         | 14/08/1996 | Nam | 44/7 Đình Núp, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                                         | 4.401.111     |
| 454 | NGUYỄN ĐÀO NGỌC TRINH    | 31/12/1989 | Nữ  | 234/76/25 Hoàng Quốc Việt, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ                                                                                                                                      | 13.529.167    |
| 455 | NGUYỄN ĐÌNH ANH          | 16/02/1997 | Nam | Khối Phong Nhất, phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                                 | 4.500.000     |
| 456 | NGUYỄN ĐÌNH CAO BẢO      | 08/07/1990 | Nam | Thôn 8, Xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                                                    | 2.134.239     |
| 457 | NGUYỄN ĐỖ ĐẠT            | 15/09/1992 | Nam | K1/4 Nguyễn Gia Trí, phường Sơn trà, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                              | 217.762.500   |
| 458 | NGUYỄN ĐỖ VĂN TRINH      | 03/09/1986 | Nam | 09 Lê Văn Hưu, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                                         | 8.630.000     |
| 459 | NGUYỄN ĐỨC CHÍNH         | 27/12/1993 | Nam | Căn hộ số 14.11, toà nhà chung cư BS9 (dự án khu dân cư và công viên Phước Thiện), số 88 đường Phước Thiện, khu phố 6, 64 Nguyễn Trung Nguyệt, khu phố 28, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh | 6.112.500     |
| 460 | NGUYỄN ĐỨC DUY           | 24/11/1997 | Nam | Thị trấn Trung Nguyệt, khu phố 28, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                         | 4.114.362     |
| 461 | NGUYỄN ĐỨC HẢI           | 14/08/1991 | Nam | 59 Nguyễn Văn Huệ, phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                              | 1.026.650.250 |
| 462 | NGUYỄN ĐỨC HẬU           | 20/03/1996 | Nam | Khu Nghỉ Dưỡng Sbh Gestviet, Thôn 6, xã Phú Vinh, thành phố Huế                                                                                                                                     | 569.681       |
| 463 | NGUYỄN ĐỨC HUY           | 25/09/1992 | Nam | Thôn Hòa Thắng 2, xã Ea Knuéc, tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                                         | 750.000       |
| 464 | NGUYỄN ĐỨC VIỆT          | 26/09/2000 | Nam | thôn Đông Tiêm, xã Chí Đám, tỉnh Phú Thọ                                                                                                                                                            | 3.400.000     |
| 465 | NGUYỄN DƯƠNG GIA BẢO     | 01/01/1997 | Nam | Khóm Mỹ Lương, xã Phú Tân, tỉnh Kiên Giang                                                                                                                                                          | 5.303.261     |
| 466 | NGUYỄN DUY KHÁNH         | 28/09/1977 | Nam | Tổ 5, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                                            | 576.023.867   |
| 467 | NGUYỄN DUY KHÁNH         | 21/12/1989 | Nam | K86/15 Hoàng Hoa Thám, Tổ 23 Thạc Gián, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                         | 7.200.000     |
| 468 | NGUYỄN HÀ TIÊN           | 13/04/1995 | Nữ  | TDP 7, phường Hương Trà, thành phố Huế                                                                                                                                                              | 5.275.000     |
| 469 | NGUYỄN HÀ TRUNG TÍN      | 07/10/1995 | Nam | 215 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ                                                                                                                                       | 2.468.617     |
| 470 | NGUYỄN HÒA               | 07/03/2001 | Nam | 417/6 Võ Văn Kiệt, Liên Gia 3, Tổ Dân Phố 13, xã Ea Na, tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                | 1.785.000     |
| 471 | NGUYỄN HOA DIỆU LINH     | 15/09/1999 | Nữ  | TDP Đồng Phú, phường Vi Khê, tỉnh Ninh Bình                                                                                                                                                         | 4.462.500     |
| 472 | NGUYỄN HOÀI NAM          | 28/12/1990 | Nam | Ấp Nhơn Khánh, Xã Nhơn Ái, thành phố Cần Thơ                                                                                                                                                        | 661.111       |
| 473 | NGUYỄN HOÀI TỬ           | 23/10/1984 | Nam | 14 Đường 29, khu phố 4, phường Phú Định, thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                                      | 2.700.000     |
| 474 | NGUYỄN HOÀNG HẢI         | 01/04/1994 | Nam | Số nhà 7, ngõ 41 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội                                                                                                                                 | 5.950.000     |
| 475 | NGUYỄN HOÀNG HÙNG        | 03/09/1995 | Nam | Nhà trọ ông Nguyễn Hồng Dương- 65/15 Thăng Long, Tổ dân phố 6A Tư An, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                                                                                            | 1.875.000     |
| 476 | NGUYỄN HOÀNG LINH THẢO   | 19/12/1994 | Nữ  | 06 Thanh Lương 27, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                                                                                                               | 576.349.434   |
| 477 | NGUYỄN HOANG NHẬT LINH   | 05/01/1998 | Nữ  | 35 Nhật Lệ, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                                                                                                                          | 4.621.167     |

|     |                        |            |     |                                                                                          |               |
|-----|------------------------|------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 478 | NGUYEN HOANG THU TRANG | 23/06/1993 | Nữ  | 209/38 Quang Trung, TDP 7, phường Buon Ma Thuot, tỉnh Đak Lăk                            | 22.078.533    |
| 479 | NGUYỄN HOÀNG UYÊN NHI  | 20/10/1992 | Nữ  | 39 Lê Hồng Phong, Tổ 40, Khu phố 6, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                        | 3.450.000     |
| 480 | NGUYỄN HOÀNG VI HẠ     | 08/02/1991 | Nữ  | Tổ 35 Hòn Chồng, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà                                    | 12.162.222    |
| 481 | NGUYỄN HOÀNG Y NGUYỄN  | 01/11/1991 | Nữ  | 50 Suối Đá 2, Tổ 24, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                                   | 1.166.667     |
| 482 | NGUYỄN HỒNG TÂN        | 12/04/1994 | Nam | B2/8 ấp 18, xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh                                          | 42.990.399    |
| 483 | NGUYỄN HÙNG HUY PHÚC   | 19/04/1989 | Nam | 163/26/12 Tô Hiến Thành, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh                          | 5.024.444     |
| 484 | NGUYỄN HỮU LỢI         | 07/08/1988 | Nam | Tổ 1, khu phố 3, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                       | 4.500.000     |
| 485 | NGUYỄN HỮU PHÚC        | 23/01/1996 | Nam | 80D Trần Quang Diệu, phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ                                 | 9.775.000     |
| 486 | NGUYỄN HUY THU THẢO    | 01/01/1992 | Nữ  | Tổ 9, Lư Cẩm, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà                                       | 14.900.000    |
| 487 | NGUYỄN KHẢ ĐẠT         | 29/06/1996 | Nam | Thôn An Hải, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.                                            | 77.633.102    |
| 488 | NGUYỄN KHÁNH BÌNH      | 02/07/1997 | Nữ  | Thôn Tân Lộc Ngọc, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng                                        | 2.800.000     |
| 489 | NGUYỄN KHÁNH VÂN       | 12/05/1994 | Nữ  | 200 Lê Trọng Tấn, TDP Phước Tường 5, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                    | 150.152.500   |
| 490 | NGUYỄN KIÊN ĐỊNH       | 12/10/1987 | Nam | 02B, Đào Duy Từ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                           | 982.001.667   |
| 491 | NGUYỄN KIM HIẾU        | 04/02/1994 | Nam | 6/1/7 Nguyễn Công Trứ, phường Thuận Hòa, TP Huế                                          | 2.450.000     |
| 492 | NGUYỄN LÂM THANH PHONG | 05/04/1992 | Nam | 1187, Bùi Hữu Nghĩa, Tổ 5, Khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, Tp. Cần Thơ          | 4.462.500     |
| 493 | NGUYỄN LÊ ÁNH NGỌC     | 06/10/2002 | Nữ  | NHÀ SỐ 161, ĐƯỜNG PHÙNG HƯNG, TỔ DÂN PHỐ ĐỒNG PHÚ 4, phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình    | 208.326.652   |
| 494 | NGUYỄN LÊ GIA BẢO      | 12/09/2000 | Nam | Tổ 203, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                           | 9.500.000     |
| 495 | NGUYỄN LÊ HUY          | 05/11/1988 | Nam | Tổ 24 phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                                   | 6.653.538.296 |
| 496 | NGUYỄN LÊ NGUYỄN       | 18/09/1994 | Nam | 295/8 Hoàng văn Thụ, tổ 5, Khu phố 7, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                  | 3.000.000     |
| 497 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG TRINH | 19/05/2000 | Nữ  | 35 Hồng Bàng, Khu phố 30, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh                         | 2.000.000     |
| 498 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG UYÊN  | 07/07/1996 | Nữ  | K15/10 Chu Văn An, tổ 14BT, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                          | 1.605.279.677 |
| 499 | NGUYỄN LÊ TRẦN         | 08/05/1994 | Nữ  | Thôn Bãi Giếng 2, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa                                             | 2.975.000     |
| 500 | NGUYỄN LÊ VĂN MINH     | 27/05/1991 | Nam | Tổ 51, phường Hoà Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng                                     | 150.027.633   |
| 501 | NGUYỄN LINH GIANG      | 16/01/2001 | Nữ  | 54 đường 18/8, TDP 6 Đồng Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                          | 13.357.833    |
| 502 | NGUYỄN LƯƠNG           | 01/06/1987 | Nam | 32 Thanh Lương 31, TDP Trung Lương 6, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                 | 9.200.000     |
| 503 | NGUYỄN LƯƠNG HOÀNG     | 17/09/1992 | Nam | Tổ 2, Lê Sơn Nam, xã Hoà Tiến, TP Đà Nẵng                                                | 627.356.848   |
| 504 | NGUYỄN MAI LAN TRINH   | 14/08/2000 | Nữ  | SỐ NHÀ 15, ĐƯỜNG NGUYỄN VIỆT XUÂN, TỔ DÂN PHỐ ĐỒNG HẢI, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | 1.500.000     |
| 505 | NGUYỄN MAI TRÂM        | 15/11/1992 | Nữ  | 340 Bạch Đằng, Tổ 27, khu vực 5, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                           | 63.320.000    |
| 506 | NGUYỄN MAI XUÂN TÌNH   | 26/03/1999 | Nữ  | 60 Tăng Bạt Hổ, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.                                      | 7.750.000     |
| 507 | NGUYỄN MINH ĐÀO        | 02/02/1993 | Nam | K814A/H41/8A Trần Cao Vân, tổ 51 Thanh Khê Đông, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng     | 1.000.000     |
| 508 | NGUYỄN MINH KHANG      | 04/08/2002 | Nam | 277/4 Trường Chinh, khu phố 29, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                   | 646.739       |
| 509 | NGUYỄN MINH THU        | 18/03/2002 | Nữ  | Tổ dân phố Hà Ra, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                   | 6.087.500     |
| 510 | NGUYỄN MINH VƯƠNG      | 02/08/1993 | Nam | Thôn Gia Huệ, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                               | 987.558.917   |
| 511 | NGUYỄN NAM             | 29/08/1992 | Nam | 42 Lý Thường Kiệt, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh                                | 18.756.250    |
| 512 | NGUYỄN NGÔ MINH CHIẾN  | 02/02/1996 | Nam | Tổ dân phố Phan Bội Châu 2, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa                                | 750.000       |
| 513 | NGUYỄN NGỌC BIÊN       | 20/02/1994 | Nam | Đường Cửa Tùng, KP 7, phường Đồng Hà, tỉnh Quảng Bình                                    | 2.000.000     |
| 514 | NGUYỄN NGỌC LÊ LY      | 11/01/1998 | Nữ  | 64A Bình An 7, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                       | 94.686.666    |
| 515 | NGUYỄN NGỌC NHƯ THẢO   | 25/03/2002 | Nữ  | 98 Nguyễn Du, khu phố 9, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh                        | 840.761       |
| 516 | NGUYỄN NGỌC QUYÊN      | 04/09/1998 | Nữ  | 15/6 Phan Đình Phùng, khu phố Vĩnh Phú, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk                     | 1.750.000     |
| 517 | NGUYỄN NGỌC THẢO       | 24/09/1995 | Nam | 105-C3, Tổ 27, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội                                        | 34.927.500    |

|     |                         |            |     |                                                                                                      |             |
|-----|-------------------------|------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 518 | NGUYỄN NGỌC THẢO LY     | 15/07/2000 | Nữ  | 333/19B Hải Phòng, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                               | 12.000.000  |
| 519 | NGUYỄN NGỌC TOÀN        | 05/07/1996 | Nam | 29 Hùng Vương, Khu Phước Mỹ, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng                                           | 2.250.000   |
| 520 | NGUYỄN NGỌC TRANG       | 22/03/1987 | Nữ  | Lô 16 khu B2.2 khu Khách sạn và dân cư Saphia (Tổ 116), phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng       | 68.770.834  |
| 521 | NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY    | 10/02/1992 | Nữ  | 278 Huỳnh Văn Cù, Tổ 1, Kp Chánh Lộc 1, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh                    | 840.761     |
| 522 | NGUYỄN NGUYỄN CẨM TÚ    | 17/11/1997 | Nữ  | Thôn An Hòa, xã Hà Nha, thành phố Đà Nẵng                                                            | 9.000.000   |
| 523 | NGUYỄN NHẢ TRÚC         | 15/07/1993 | Nữ  | Khu phố 1, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                                                            | 2.125.000   |
| 524 | NGUYỄN NHẬT HOÀNG       | 27/02/1991 | Nam | Địa Linh, phường Hóa Châu, thành phố Huế                                                             | 53.005.333  |
| 525 | NGUYỄN NHẬT LONG CHÂU   | 27/11/1993 | Nam | K63/35 Chế Lan Viên, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                          | 1.500.000   |
| 526 | NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG      | 27/09/1999 | Nam | 13 Hẻm 81/11 Ngõ Hòa Bình 7, Minh Khai, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội                            | 462.778     |
| 527 | NGUYỄN NHỊ TÚ           | 22/02/2000 | Nữ  | Tổ 39, Khu vực 7, Phường Hải Cảng, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định                                     | 16.655.000  |
| 528 | NGUYỄN PHẠM ĐÌNH THẮNG  | 28/07/1995 | Nam | 6/153 Trần Quý Khoáng, TDP Hàng Tổng, phường Hương An, thành phố Huế                                 | 4.068.750   |
| 529 | NGUYỄN PHẠM LAN TRINH   | 20/11/1999 | Nữ  | SỐ NHÀ 558, ĐƯỜNG TÔN ĐÀN, Tò Dân Phố Phước Tường 5, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                | 460.277.102 |
| 530 | NGUYỄN PHÚ HIỀN         | 31/01/1990 | Nam | 861/52/13 Trần Xuân Soan, phường Tân Hưng, Thành phố HCM                                             | 1.000.000   |
| 531 | NGUYỄN PHÚC VINH        | 17/10/1994 | Nam | 335 NGUYỄN THỊ MINH KHAI TỔ 27, KHU PHỐ 16, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                        | 1.500.000   |
| 532 | NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH NHI | 08/08/2000 | Nữ  | SỐ 404/9 ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHONG TỔ 3 PHƯỚC THÀNH, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                  | 3.861.170   |
| 533 | NGUYỄN QUANG            | 23/04/1983 | Nam | SỐ NHÀ 21, ĐƯỜNG AN THUẬN 24, TỔ 5, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                           | 53.814.343  |
| 534 | NGUYỄN QUANG ĐẠT        | 22/12/2000 | Nam | 104 Lạc Long Quân, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                  | 14.163.830  |
| 535 | NGUYỄN QUANG HỮU        | 14/12/1997 | Nam | Tổ 9, Khu phố 22, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                  | 5.600.000   |
| 536 | NGUYỄN QUANG TRƯỜNG     | 01/06/1997 | Nam | Thôn Hồng Xuân, xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh                                                           | 4.310.714   |
| 537 | NGUYỄN QUANG VINH       | 10/11/1996 | Nam | Thôn 4, xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                                                              | 25.841.667  |
| 538 | NGUYỄN QUỐC BẢO         | 30/09/1985 | Nam | Căn Hộ Tecco Felice Homes - CH9.15 - Tầng 9 Đường Lê Thị Trung, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 2.932.500   |
| 539 | NGUYỄN QUỐC LẬP         | 06/10/1996 | Nam | Tổ 48, KP9A, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                           | 172.496.666 |
| 540 | NGUYỄN QUỐC TÀI         | 01/06/1994 | Nam | Thôn Măng Tở, xã Bảo Lâm 3, tỉnh Lâm Đồng                                                            | 27.405.675  |
| 541 | NGUYỄN QUỐC TÂN         | 30/04/1998 | Nam | 02F/10 Phố Đức Chính, Tổ 20D, Khu phố 36, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                              | 6.500.000   |
| 542 | NGUYỄN QUÝ TÂM          | 23/04/1983 | Nữ  | 35 Phạm Tu, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                     | 191.832.333 |
| 543 | NGUYỄN SỸ HIẾU          | 12/04/1999 | Nam | 9/8 Hương Điền, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                 | 1.350.000   |
| 544 | NGUYỄN TÂN HOÀNG        | 02/08/1989 | Nam | XOM 4B, TDP Thạch Bích, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi                                   | 590.130.833 |
| 545 | NGUYỄN TÂN KHANG        | 25/12/1998 | Nam | 202/29PT, Ấp Hải Trung, xã Phước Hải, Thành phố Hồ Chí Minh                                          | 18.715.625  |
| 546 | NGUYỄN TÂN PHÚ          | 01/11/1992 | Nam | K59/14 Tăng Bạt Hổ, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                               | 521.967.529 |
| 547 | NGUYỄN THÁI HẢO         | 02/01/1996 | Nam | Thôn Phú Hậu, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa                                                           | 3.525.000   |
| 548 | NGUYỄN THÁI KHANG       | 01/04/1997 | Nam | Tổ dân phố Đông Lương, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                           | 1.500.000   |
| 549 | NGUYỄN THÁI NGUYỄN      | 11/03/1995 | Nam | Thôn Trầm, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Bình                                                              | 1.900.000   |
| 550 | NGUYỄN THÀNH CÔNG       | 16/03/1990 | Nam | 89/10A Phạm Ngũ Lão, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh                                        | 5.090.556   |
| 551 | NGUYỄN THÀNH ĐỨC        | 20/12/1997 | Nam | 208 Lô B chung cư Chợ Quán, Khu phố 3, phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh                        | 3.975.000   |
| 552 | NGUYỄN THANH HÀ         | 10/10/1988 | Nam | TDP Thủy Dương 1, phường Thanh Thủy, thành phố Huế                                                   | 36.972.917  |
| 553 | NGUYỄN THANH HÀ         | 31/03/1999 | Nữ  | Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Bình                                                         | 126.282.499 |
| 554 | NGUYỄN THANH HẢI        | 16/06/1990 | Nam | Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk                                                            | 400.000     |
| 555 | NGUYỄN THANH HÙNG       | 24/09/1986 | Nam | Nhà trọ bà Trần Thị Hương, địa chỉ: 40/37 Nguyễn Tất Thành, phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk       | 750.000     |
| 556 | NGUYỄN THANH LIÊM       | 10/06/2000 | Nam | 579/5 LẠC LONG QUÂN, TỔ 9, KHU PHỐ 4, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                              | 2.600.000   |
| 557 | NGUYỄN THÀNH LỢI        | 13/07/1996 | Nam | Tổ 01, ấp Lò Vôi, xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 4.240.957   |

|     |                       |            |     |                                                                                                         |               |
|-----|-----------------------|------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 558 | NGUYỄN THANH LUÂN     | 30/12/1991 | Nam | 44 Lê Văn Hưng, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                       | 1.587.999.168 |
| 559 | NGUYỄN THANH SANG     | 21/05/1988 | Nam | 305F Dương Bá Trạc, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh                                            | 727.064.212   |
| 560 | NGUYỄN THANH SANG     | 20/10/1994 | Nam | Xóm 4, Thôn Lâm Lộc Nam, xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi                                                   | 4.840.000     |
| 561 | NGUYỄN THÀNH SAU      | 29/01/1993 | Nam | 44/2 Nguyễn Tuân, xã Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk                                                           | 1.125.000     |
| 562 | NGUYỄN THANH THUẬN    | 04/02/1980 | Nam | TDP11, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk                                                                  | 48.328.000    |
| 563 | NGUYỄN THÀNH VINH     | 25/09/1998 | Nam | Phong Lục, phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng                                                           | 15.877.931    |
| 564 | NGUYỄN THỊ ÁI LÊ      | 12/03/1983 | Nữ  | Bích Trâm, phường Điện Bàn Bắc, thành phố Đà Nẵng                                                       | 3.600.000     |
| 565 | NGUYỄN THỊ ÁI NGHĨA   | 02/06/1985 | Nữ  | Số 52, đường Bàu Mạc 20, tổ dân phố Quang Thành 5, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                 | 2.923.292.201 |
| 566 | NGUYỄN THỊ ÁNH DIỆP   | 06/06/1996 | Nữ  | Số 147F, đường Tinh lộ 15, Ấp 22, xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh                                | 3.000.000     |
| 567 | NGUYỄN THỊ ÁNH PHUNG  | 16/08/2000 | Nữ  | Lô 16 ô DC9 ĐC Vĩnh Trường, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                        | 27.727.500    |
| 568 | NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT  | 06/02/2000 | Nữ  | Tổ 2, Hòa Phú, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng                                                           | 3.000.000     |
| 569 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc   | 17/02/2000 | Nữ  | Ấp Tân An Chợ, phường Tân An, thành phố Cần Thơ                                                         | 44.255.400    |
| 570 | NGUYỄN THỊ BÍCH       | 07/09/2000 | Nữ  | THÔN BÌNH MINH, xã Sen Ngự, tỉnh Quảng Bình                                                             | 7.000.000     |
| 571 | NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  | 01/11/1993 | Nữ  | 19 Cẩm Bắc 11, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                         | 47.850.000    |
| 572 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN  | 23/03/1990 | Nữ  | 70 NGUYỄN PHƯỚC THÁI, Tổ Dân Phố Đông Xuân 4, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                          | 1.025.000     |
| 573 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN  | 14/11/1980 | Nữ  | căn hộ ssh09 số nhà 04-17 toà nhà chung cư ssh09 nhà ở xã hội HQS, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 4.114.362     |
| 574 | NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN | 01/05/1990 | Nữ  | TDP Quan Nam 5, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                                                    | 5.861.295.350 |
| 575 | NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY  | 20/04/1981 | Nữ  | SỐ 272 NGUYỄN DUY TRINH, TỔ 65, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                  | 740.442.618   |
| 576 | NGUYỄN THỊ CẨM DUYÊN  | 28/04/2002 | Nữ  | Thôn Phước Lâm, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng                                                        | 625.000       |
| 577 | NGUYỄN THỊ CẨM HƯƠNG  | 05/09/1988 | Nữ  | Tổ 55, khu phố 6, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                     | 73.314.167    |
| 578 | NGUYỄN THỊ CẨM VÂN    | 28/02/1996 | Nữ  | Thôn Thịnh Phát, xã Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk                                                              | 2.278.723     |
| 579 | NGUYỄN THỊ ĐÀO        | 20/11/1986 | Nữ  | Xóm Chùa - Thôn Phúc Thọ, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội                                                 | 169.256.443   |
| 580 | NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU  | 18/07/1991 | Nữ  | 39 Phan Huy Ích, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                                       | 24.129.611    |
| 581 | NGUYỄN THỊ DIỄM MI    | 19/12/1990 | Nữ  | Thôn Xuân Trang, xã Vạn Hưng, tỉnh Khánh Hòa                                                            | 7.544.271     |
| 582 | NGUYỄN THỊ DIỄM MY    | 09/03/1994 | Nữ  | Xóm 1, thôn Tiên Thuận, xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai                                                       | 16.900.000    |
| 583 | NGUYỄN THỊ DIỆU HUYỀN | 01/08/1994 | Nữ  | 139/2 NGUYỄN CÔNG TRỨ, TỔ 1 AN NHƠN, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                   | 1.093.951.467 |
| 584 | NGUYỄN THỊ DIỆU THU'  | 12/03/1998 | Nữ  | TDP Phú Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                           | 161.409.226   |
| 585 | NGUYỄN THỊ DIỆU TRÂM  | 16/11/1989 | Nữ  | K39/51 Võ Văn Kiệt, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                                    | 2.400.000     |
| 586 | NGUYỄN THỊ DƯƠNG DIỆU | 05/01/1994 | Nữ  | 292 Phan Huy Chú, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk                                                       | 14.733.333    |
| 587 | NGUYỄN THỊ ÉN         | 10/02/1994 | Nữ  | Tổ 3 Vĩnh Diễm, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà                                                    | 4.440.000     |
| 588 | NGUYỄN THỊ GIA BẢO    | 13/10/1987 | Nữ  | Tổ Dân Phố Nghi An 1, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                                  | 55.970.626    |
| 589 | NGUYỄN THỊ HÀ         | 26/06/1995 | Nữ  | 200/30B Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                 | 4.300.000     |
| 590 | NGUYỄN THỊ HÀ         | 02/01/1989 | Nữ  | Thôn 4, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng                                                                   | 9.300.000     |
| 591 | NGUYỄN THỊ HÀ ANH     | 04/12/1988 | Nữ  | 67 Nguyễn Đình Chiểu, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                              | 862.500       |
| 592 | NGUYỄN THỊ HÀ GIANG   | 19/11/1999 | Nữ  | Tổ 8, xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh                                                                        | 1.500.000     |
| 593 | NGUYỄN THỊ HÀ GIANG   | 17/01/1987 | Nữ  | Tổ 9A, Kp Miếu, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai                                                         | 60.032.209    |
| 594 | NGUYỄN THỊ HẢI YÊN    | 10/02/1990 | Nữ  | 356 Trưng Nữ Vương, Tổ 3, Tổ dân phố Tân Thanh, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng                     | 595.410.382   |
| 595 | NGUYỄN THỊ HĂNG       | 21/03/1997 | Nữ  | XÓM TÂY, THÔN TÂN HÒA, xã Phú Cát, tỉnh Gia Lai                                                         | 463.669.500   |
| 596 | NGUYỄN THỊ HĂNG       | 07/06/1993 | Nữ  | 98 Dã Tượng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                           | 39.084.167    |
| 597 | NGUYỄN THỊ HẢO HUYỀN  | 17/05/1999 | Nữ  | Tổ 10 Thôn 5, xã Long Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh                                                        | 975.000       |

|     |                        |            |    |                                                                                               |               |
|-----|------------------------|------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 598 | NGUYỄN THỊ HẬU         | 13/07/1989 | Nữ | Thôn Phú Hòa, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng                                                     | 682.809.166   |
| 599 | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 11/04/1990 | Nữ | 79 Hải Hồ, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                 | 1.126.364.168 |
| 600 | NGUYỄN THỊ HIỀN        | 06/03/1993 | Nữ | Tổ 35, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                    | 81.220.000    |
| 601 | NGUYỄN THỊ HOÀI NHÃN   | 28/01/1994 | Nữ | Kiệt 1/4 Hùng Vương, KHU PHỐ 7, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                               | 3.166.667     |
| 602 | NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG | 02/05/1992 | Nữ | K152/11 ĐƯỜNG 2/9, TỔ 5, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                  | 72.869.735    |
| 603 | NGUYỄN THỊ HOANG KIM   | 11/02/1996 | Nữ | Ấp Phú Thờ, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau                                                          | 3.747.917     |
| 604 | NGUYỄN THỊ HOÀNG LÊ    | 02/05/1983 | Nữ | TỔ 7, Tổ dân phố Hữu Nghị, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                    | 2.293.184.479 |
| 605 | NGUYỄN THỊ HOÀNG MƠ    | 10/05/1999 | Nữ | 196 Đinh Phong Phú, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh                               | 37.663.333    |
| 606 | NGUYỄN THỊ HOANG OANH  | 31/10/1996 | Nữ | 356 Tôn Đức, Hòa An, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                         | 643.463.193   |
| 607 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH    | 06/07/1988 | Nữ | SỐ 4 NGÁCH 145 NGÕ 217 ĐƯỜNG TRẦN PHÚ Tổ Dân Phố 2 Văn Quán, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội | 2.731.620.741 |
| 608 | NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU   | 15/11/1996 | Nữ | Thôn 4, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai                                                             | 17.524.000    |
| 609 | NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN  | 03/02/1996 | Nữ | 514/20/3 Lê Đức Thọ, Khu phố 44, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh                         | 9.200.000     |
| 610 | NGUYỄN THỊ HỒNG MINH   | 31/03/1980 | Nữ | 55 Lý Đạo Thành, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                             | 930.900.001   |
| 611 | NGUYỄN THỊ HỒNG NA     | 25/12/1991 | Nữ | 62 Hoàng Đình Ai, TDP Trung Lương 1, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                       | 1.500.000     |
| 612 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHI    | 01/08/1987 | Nữ | 217/16 Ngô Quyền, Tổ dân phố 1, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk                                   | 369.272.650   |
| 613 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG  | 20/10/1990 | Nữ | SỐ 45/29 ĐƯỜNG PHAN TỬ, TỔ 26, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                         | 2.630.418.413 |
| 614 | NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN    | 19/06/1990 | Nữ | PHÒNG 701 NHÀ CÔNG VỤ SƯ ĐOÀN 372, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                        | 1.029.860.087 |
| 615 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG       | 26/10/1985 | Nữ | Thôn Cầu Bùng, xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An                                                      | 471.590.116   |
| 616 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG       | 27/05/1992 | Nữ | Tổ 14 Tây Nam, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                           | 26.537.500    |
| 617 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ   | 20/11/1994 | Nữ | TỔ DÂN PHỐ 8, phường Hương Trà, thành phố Huế                                                 | 12.611.458    |
| 618 | NGUYỄN THỊ HUYỀN THỊ   | 16/10/1999 | Nữ | 152/12 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                         | 37.000.000    |
| 619 | NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN   | 22/11/1968 | Nữ | 64 Mỹ Đa Tây 12, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                       | 2.186.926.667 |
| 620 | NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM   | 07/07/1995 | Nữ | KHU VỰC 5, THÔN ĐẠI AN KHÊ, xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Bình                                      | 428.455.292   |
| 621 | NGUYỄN THỊ KIM CÔNG    | 20/02/1990 | Nữ | Thôn Hà Kiều, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng                                                | 4.000.000     |
| 622 | NGUYỄN THỊ KIM LAN     | 12/05/1990 | Nữ | TDP Đông Trà 6, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                        | 1.944.648.166 |
| 623 | NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG  | 17/01/1988 | Nữ | khu phố Phú Thọ, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk                                                | 26.746.944    |
| 624 | NGUYỄN THỊ KIM THANH   | 01/12/1994 | Nữ | Tổ dân phố Đại La, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                        | 13.350.000    |
| 625 | NGUYỄN THỊ KIM THOA    | 28/05/1990 | Nữ | 297/30/5 Tân Hòa Đông, Khu phố 69, phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh                | 9.535.000     |
| 626 | NGUYỄN THỊ KIM THOA    | 05/07/1993 | Nữ | Ngọc Bình, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                                            | 138.983.333   |
| 627 | NGUYỄN THỊ KIM TRANG   | 24/04/1998 | Nữ | Vân Hà, xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội                                                          | 1.500.000     |
| 628 | NGUYỄN THỊ KIM TUYẾT   | 27/04/1987 | Nữ | TDP Đông Trà 6, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                        | 8.252.454.023 |
| 629 | NGUYỄN THỊ KIM YÊN     | 20/09/1997 | Nữ | thôn Phong Sơn, xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Bình                                               | 765.833       |
| 630 | NGUYỄN THỊ LAN ANH     | 29/04/1996 | Nữ | Thôn An Định, xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Bình                                                    | 750.000       |
| 631 | NGUYỄN THỊ LAN VIÊN    | 25/05/1999 | Nữ | Khu dân cư số 13, thôn Tân Hy, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi                                  | 3.000.000     |
| 632 | NGUYỄN THỊ LÊ VÂN      | 23/07/1992 | Nữ | 24 Trịnh Hoài Đức, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                           | 31.344.167    |
| 633 | NGUYỄN THỊ LIÊN        | 16/02/1989 | Nữ | Tổ 5, khu phố Hải Định, phường Long Hương, thành phố Hồ Chí Minh                              | 9.210.417     |
| 634 | NGUYỄN THỊ LỘC QUÝ     | 03/12/1983 | Nữ | THÔN THANH VINH, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Bình                                                | 2.000.000     |
| 635 | NGUYỄN THỊ MAI VY      | 23/09/1985 | Nữ | 9C Đồng Na, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                              | 98.065.834    |
| 636 | NGUYỄN THỊ MI NI       | 29/10/2001 | Nữ | 04 cồn dầu 2, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                              | 11.444.582    |
| 637 | NGUYỄN THỊ MINH NGUYỄN | 01/08/1991 | Nữ | T161 TBĐ thôn Phước Thủy, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                | 32.799.750    |

|     |                        |            |    |                                                                               |               |
|-----|------------------------|------------|----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 638 | NGUYEN THI MINH NGUYET | 24/03/1976 | Nữ | K130/H12/7 ĐIỆN BIÊN PHU, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                 | 1.112.383.335 |
| 639 | NGUYỄN THI MINH PHÚC   | 27/05/1996 | Nữ | KP An Thạnh, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp                                   | 248.142.333   |
| 640 | NGUYỄN THI MINH TÂM    | 13/11/1996 | Nữ | K221/22 Tôn dân, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                             | 62.053.333    |
| 641 | NGUYỄN THI MINH TRANG  | 19/05/1996 | Nữ | Thôn Việt Trung, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Bình                                | 8.000.000     |
| 642 | NGUYỄN THI MINH TRÚC   | 14/06/1984 | Nữ | 539/22 Hương Lộ 3, phường Bình Hưng Hoà, thành phố Hồ Chí Minh                | 45.785.000    |
| 643 | NGUYỄN THI MY          | 29/11/1997 | Nữ | TDP Tân Trà, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                               | 963.961.320   |
| 644 | NGUYỄN THI MY          | 10/02/1996 | Nữ | Thôn Hiền Vinh, xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Bình                                 | 6.900.000     |
| 645 | NGUYỄN THI MỸ DUNG     | 06/09/1988 | Nữ | Số 30 Lê Long Vân, khu phố 3 Long Tâm, phường Tam Long, Thành phố Hồ Chí Minh | 7.391.304     |
| 646 | NGUYỄN THI MỸ HẠNH     | 04/07/1993 | Nữ | 9/1 KIẾT 30 ĐƯỜNG HỒ XUÂN HƯỚNG, phường Phú Xuân, thành phố Huế               | 1.500.000     |
| 647 | NGUYỄN THI MỸ HẠNH     | 05/07/1996 | Nữ | Khối phố Phong Nhất, phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng                       | 1.200.000     |
| 648 | NGUYỄN THI MỸ HIỀN     | 18/06/1995 | Nữ | 66B Trần Khánh, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                          | 2.125.000     |
| 649 | NGUYỄN THI MỸ LỆ       | 29/09/1992 | Nữ | 71 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai                              | 25.000.000    |
| 650 | NGUYỄN THI MỸ LINH     | 22/02/1998 | Nữ | 07 Phạm Hồ, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai                                    | 5.018.294.365 |
| 651 | NGUYỄN THI MỸ LINH     | 29/01/1996 | Nữ | 306/56 Hoàng Văn Thụ, Tổ 2, Khu Phố 12, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai     | 7.400.000     |
| 652 | NGUYỄN THI MỸ LỢI      | 10/06/1985 | Nữ | 24/1 Yết Kiêu, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                               | 1.000.000     |
| 653 | NGUYỄN THI NGHIÊM      | 23/12/1992 | Nữ | K86/141/18 Phạm Nhữ Tăng, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                 | 1.775.000     |
| 654 | NGUYỄN THI NGỌC GIÀU   | 15/10/1992 | Nữ | Hà Tây, Triệu An, Triệu Phong, Quảng Trị                                      | 79.311.592    |
| 655 | NGUYỄN THI NGỌC HÂN    | 23/03/2001 | Nữ | 75/3 đường số 18, khu phố 10, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh         | 3.500.000     |
| 656 | NGUYỄN THI NGỌC HẰNG   | 07/01/1994 | Nữ | 38 Bàu Hạc 5, tổ 26, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                      | 236.438.500   |
| 657 | NGUYỄN THI NGỌC HẠNH   | 26/01/1999 | Nữ | 2062/12/152 Khu phố 1, phường Tân Thới Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh            | 25.610.418    |
| 658 | NGUYỄN THI NGỌC NHUNG  | 20/04/2001 | Nữ | Thôn 16, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk                                             | 8.220.834     |
| 659 | NGUYỄN THI NGỌC PHƯƠNG | 04/02/1988 | Nữ | 81 Nguyễn Trãi, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                               | 188.990.628   |
| 660 | NGUYỄN THI NGỌC QUỲNH  | 25/11/1998 | Nữ | 115 Dương Trí Trạch, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                         | 211.817.829   |
| 661 | NGUYỄN THI NGỌC THỦY   | 12/01/1988 | Nữ | 2/92 Đặng Huy Trứ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                            | 14.354.167    |
| 662 | NGUYỄN THI NGỌC TUYẾN  | 07/10/2001 | Nữ | Phú Bình-Đại Thưng-Đại Lộc-Quảng Nam                                          | 20.496.000    |
| 663 | NGUYỄN THI NGUYỆT      | 09/01/1995 | Nữ | Tổ dân phố Phò Trạch - Siêu Quan, phường Phong Dinh, thành phố Huế            | 1.422.826     |
| 664 | NGUYỄN THI NGUYỆT THU  | 25/07/1989 | Nữ | 477/14B Nguyễn Thái Học, Tổ 37, Khu phố 17, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | 325.000       |
| 665 | NGUYỄN THI NHẬT LỆ     | 15/09/1993 | Nữ | Tổ 9, Khu phố 14, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                           | 991.644.466   |
| 666 | NGUYỄN THI NHƯ         | 10/12/1999 | Nữ | Thôn Trúc Hà, xã Thượng Đức, thành phố Đà Nẵng                                | 1.500.000     |
| 667 | NGUYỄN THI NHƯ NỮ      | 02/07/1993 | Nữ | Tổ 3, thôn Thạch Khê, xã Quế Sơn Trung, thành phố Đà Nẵng                     | 2.000.000     |
| 668 | NGUYỄN THI NHƯ QUỲNH   | 28/06/1998 | Nữ | Tổ 04, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                    | 121.173.833   |
| 669 | NGUYỄN THI NHƯ QUỲNH   | 07/01/1999 | Nữ | Thôn Thái Thủy, xã Tân Mỹ, tỉnh Quảng Trị                                     | 22.650.000    |
| 670 | NGUYỄN THI NHƯ QUỲNH   | 23/08/1993 | Nữ | Số nhà 1108, thôn Phú Trung, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa             | 10.562.500    |
| 671 | NGUYỄN THI NHUNG NHỚ   | 22/12/2000 | Nữ | 231 Lê Quý Đôn, Phường Nhơn Hòa, Thị Xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định               | 1.500.000     |
| 672 | NGUYỄN THI NHỰT TIỀN   | 06/09/1987 | Nữ | 120 khu phố Phú Thứ, phường Phú An, thành phố Hồ Chí Minh                     | 7.046.277     |
| 673 | NGUYỄN THI NỖ          | 26/05/1998 | Nữ | 27 đường 6B, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                             | 1.800.000     |
| 674 | NGUYỄN THI NỮ          | 03/03/1993 | Nữ | K87/76 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                    | 4.900.000     |
| 675 | NGUYỄN THI PHÂN        | 12/08/1998 | Nữ | Xóm 4, thôn Mỹ Cang, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai                          | 500.000       |
| 676 | NGUYỄN THI PHI PHƯƠNG  | 11/11/1979 | Nữ | 88/12 Nguyễn Hữu Thầu, P.Tân Lợi, TP.BMT, Đắk Lắk                             | 675.000       |
| 677 | NGUYỄN THI PHỤNG       | 04/08/1985 | Nữ | Thôn Tân Tiến, xã EaNa, tỉnh Đắk Lắk                                          | 17.201.191    |

|     |                         |            |    |                                                                                                |               |
|-----|-------------------------|------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 678 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG       | 20/07/1989 | Nữ | 50 Phan Bội Châu, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng                                       | 1.000.000     |
| 679 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG       | 07/02/1984 | Nữ | 12 hẻm 9/1/1 Nguyễn Văn Linh TDP Việt Hưng 1, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội               | 20.806.542    |
| 680 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG  | 14/10/1996 | Nữ | Thôn Vĩnh Trà, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi                                                    | 8.000.000     |
| 681 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN  | 27/11/1995 | Nữ | Thôn Lý Nhân, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị                                                      | 22.239.791    |
| 682 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ    | 25/04/1996 | Nữ | K464/H15/19B Trường Chinh, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                    | 139.336.833   |
| 683 | NGUYỄN THỊ QUỲNH THẢO   | 15/02/1996 | Nữ | K129/6 Vũ Lăng, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                               | 3.189.118.971 |
| 684 | NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG  | 30/11/1982 | Nữ | K44 Hà Huy Tập, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                            | 3.400.000     |
| 685 | NGUYỄN THỊ SINH DUYÊN   | 18/11/2002 | Nữ | Căn hộ 304 Tòa CT2B Khu nhà ở đại phát sóng phát thanh Mễ Trì, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội | 2.796.500     |
| 686 | NGUYỄN THỊ SƠN          | 10/01/1990 | Nữ | Khu phố 1, Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị                                                      | 20.700.000    |
| 687 | NGUYỄN THỊ SƯƠNG        | 05/02/2000 | Nữ | Khu phố 2, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị                                              | 4.206.667     |
| 688 | NGUYỄN THỊ THẠCH        | 01/04/1983 | Nữ | Tổ dân phố Trạch Thượng, phường Phong Điền, thành phố Huế                                      | 2.975.000     |
| 689 | NGUYỄN THỊ THẨM         | 18/01/1984 | Nữ | 39/13, đường TX52, Khu phố 30, phường Thới An, thành phố Hồ Chí Minh                           | 7.550.000     |
| 690 | NGUYỄN THỊ THANH        | 20/04/1990 | Nữ | 14 Phan Bội Châu, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                           | 104.527.667   |
| 691 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN   | 15/09/1989 | Nữ | 42/8 Hùng Vương, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa                                                  | 10.399.500    |
| 692 | NGUYỄN THỊ THANH HỒNG   | 30/05/1998 | Nữ | Đội 14, thôn Kim Đông, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai                                         | 6.000.000     |
| 693 | NGUYỄN THỊ THANH LOAN   | 19/09/1991 | Nữ | Kiệt 7 Nguyễn Duy Cung, Tổ dân phố Thủy Phương 2, phường Thanh Thủy, thành phố Huế             | 495.833       |
| 694 | NGUYỄN THỊ THANH LOAN   | 04/10/1991 | Nữ | K815/74 Trường Chinh, tổ 4 HTĐ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                               | 388.904.824   |
| 695 | NGUYỄN THỊ THANH MAI    | 15/12/1980 | Nữ | 3/2 Thái Phiên, Tổ 22 Tây Bắc, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa                           | 214.163.334   |
| 696 | NGUYỄN THỊ THANH NGÀ    | 26/08/1983 | Nữ | 6 Ngách 203/24 Hồng Hà, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội                                       | 80.555.160    |
| 697 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN   | 24/04/2000 | Nữ | Tổ 8, Khu Vực2, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                              | 120.256.193   |
| 698 | NGUYỄN THỊ THANH NGUYỆT | 02/07/1990 | Nữ | K201 Nguyễn Huy Tưởng, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                     | 340.797.220   |
| 699 | NGUYỄN THỊ THANH NHUNG  | 08/09/1991 | Nữ | Tổ 49, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                  | 242.660.334   |
| 700 | NGUYỄN THỊ THANH THÚY   | 06/04/1997 | Nữ | 07 Đội Cấn, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                               | 2.250.000     |
| 701 | NGUYỄN THỊ THANH THÚY   | 05/06/2000 | Nữ | Thôn Trang Điền Gia Nam, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                          | 2.250.000     |
| 702 | NGUYỄN THỊ THANH THÚY   | 07/10/1988 | Nữ | K4/10 Lưu Quang Thuận, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                  | 265.407.378   |
| 703 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC   | 08/02/1999 | Nữ | 2/33 Lê Quý Đôn, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                               | 2.716.304     |
| 704 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN  | 28/03/1996 | Nữ | Số 53 Ngõ 66 Hồ Tùng Mậu TDP số 23 Mai Dịch, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội                 | 1.812.939.749 |
| 705 | NGUYỄN THỊ THANH UYÊN   | 10/03/1990 | Nữ | Tổ 1, khu phố 7, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                             | 5.457.500     |
| 706 | NGUYỄN THỊ THANH XUÂN   | 02/07/2000 | Nữ | Tổ 8, thôn La Bông, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng                                             | 1.500.000     |
| 707 | NGUYỄN THỊ THẢO         | 03/06/1987 | Nữ | 163 Võ An Ninh, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                             | 476.818.846   |
| 708 | NGUYỄN THỊ THẢO         | 15/10/1999 | Nữ | Thôn Hà Đông, phường Điện Bàn Bắc, thành phố Đà Nẵng                                           | 2.000.000     |
| 709 | NGUYỄN THỊ THẢO TRINH   | 24/03/1998 | Nữ | 70 Bình Giã, khu phố 20, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh                                | 16.191.587    |
| 710 | NGUYỄN THỊ THÊM         | 10/04/1986 | Nữ | 573/2 Lê Văn Hiến, TDP Đông Hải 2, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                      | 10.000.000    |
| 711 | NGUYỄN THỊ THU          | 17/04/1991 | Nữ | 158 Ngư Bình, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                  | 20.960.278    |
| 712 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG     | 23/08/2000 | Nữ | Thôn Xà Nô, xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk                                                            | 1.530.000     |
| 713 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN     | 02/12/1998 | Nữ | Điện Thắng, phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng                                                 | 3.000.000     |
| 714 | NGUYỄN THỊ THU NHÂN     | 26/09/1986 | Nữ | 16/5A Võ Văn Tần, phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng                                              | 14.515.000    |
| 715 | NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG   | 29/07/2002 | Nữ | 153/22 Đường Nguyễn Tiểu La, khu phố 19, phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh               | 4.557.446     |
| 716 | NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG    | 22/10/1996 | Nữ | 25 Hà Huy Tập, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                             | 534.360.268   |
| 717 | NGUYỄN THỊ THU THANH    | 25/10/1995 | Nữ | 526/20 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                     | 14.375.000    |

|     |                       |            |     |                                                                                     |                |
|-----|-----------------------|------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 718 | NGUYỄN THỊ THU THẢO   | 26/10/1993 | Nữ  | TDP Xuân Thiều 5, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng                                 | 3.850.000      |
| 719 | NGUYỄN THỊ THU THẢO   | 09/06/1998 | Nữ  | 9/19 Phan Đình Phùng, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                               | 9.720.313      |
| 720 | NGUYỄN THỊ THU THẢO   | 03/09/1994 | Nữ  | tổ 2, Thôn Mộc Bài, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng                                  | 3.850.000      |
| 721 | NGUYỄN THỊ THU THỦY   | 25/01/1991 | Nữ  | Số 144 Đường 27/4, Khu phố Phước Hiệp, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh         | 19.637.500     |
| 722 | NGUYỄN THỊ THU TRANG  | 08/07/1995 | Nữ  | Tổ dân phố 9 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị                              | 10.385.594     |
| 723 | NGUYỄN THỊ THUỶ       | 05/07/2000 | Nữ  | Thôn Phú Xuân, xã Phú Thuận, thành phố Đà Nẵng                                      | 1.500.000      |
| 724 | NGUYỄN THỊ THỦY       | 05/02/1990 | Nữ  | Thanh Vinh 8, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                                  | 711.780.166    |
| 725 | NGUYỄN THỊ THỦY DUNG  | 29/02/2000 | Nữ  | Xóm Hữu Tài, thôn Tân Hóa, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai                                 | 1.700.000      |
| 726 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG | 23/09/1981 | Nữ  | TDP 9, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk                                                  | 18.519.500     |
| 727 | NGUYỄN THỊ THỦY HƯƠNG | 04/06/1995 | Nữ  | Buôn Knir, xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk                                                 | 109.387.554    |
| 728 | NGUYỄN THỊ THUỶ LINH  | 11/05/1991 | Nữ  | Tổ 47, KP 15, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                         | 12.500.000     |
| 729 | NGUYỄN THỊ THỦY LINH  | 23/05/1994 | Nữ  | Thôn Đồng Tâm, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk                                             | 309.896        |
| 730 | NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ   | 30/04/1987 | Nữ  | Nguyễn Trường Tộ, khu phố 6, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị                       | 1.084.594.056  |
| 731 | NGUYỄN THỊ THỦY NGÂN  | 07/04/1993 | Nữ  | Số nhà 05, H23,K74, đường Trần Cao Vân, tổ 44, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng  | 87.127.499     |
| 732 | NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN  | 23/04/1996 | Nữ  | Tổ 15, KP 9, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                    | 3.000.000      |
| 733 | NGUYỄN THỊ THỦY TRÂM  | 27/10/1998 | Nữ  | K356/H115/79F Hoàng Diệu, tổ 38, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                | 2.552.083      |
| 734 | NGUYỄN THỊ THỦY TRANG | 25/07/1991 | Nữ  | 114/25 Lê Độ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                   | 15.363.334     |
| 735 | NGUYỄN THỊ THỦY TRANG | 01/01/1996 | Nữ  | 40 Thanh Lương 11, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                               | 19.365.854.089 |
| 736 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY     | 09/10/2000 | Nữ  | Tổ dân phố Lai Thành 2, Hương Trà, thành phố Huế                                    | 5.776.190      |
| 737 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY     | 15/11/1997 | Nữ  | 179/2/5 Lê Duẩn, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                                 | 71.473.083     |
| 738 | NGUYỄN THỊ TRANG      | 08/11/1990 | Nữ  | Kiệt 10/6/4 đường Hai Bà Trưng, tổ dân phố Đông Tri, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | 29.700.000     |
| 739 | NGUYỄN THỊ TRINH      | 03/10/1996 | Nữ  | Đại thắng Đại Lộc Quảng Nam                                                         | 8.000.000      |
| 740 | NGUYỄN THỊ TƯ         | 05/10/1990 | Nữ  | Tổ dân phố Tân Hải, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa                                 | 3.291.490      |
| 741 | NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN | 22/04/1995 | Nữ  | Tổ 31, Khu vực 6, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                     | 14.074.167     |
| 742 | NGUYỄN THỊ VÂN        | 08/06/1990 | Nữ  | Thôn La Nguyễn, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên                                            | 2.845.652      |
| 743 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH    | 29/01/2002 | Nữ  | Tổ 12, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                                         | 508.333        |
| 744 | NGUYỄN THỊ XUÂN       | 10/02/1991 | Nữ  | 07 Lê Chân, TDP 2, phường Phú Bài, thành phố Huế                                    | 2.552.083      |
| 745 | NGUYỄN THỊ Ý NHI      | 12/02/1993 | Nữ  | Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng                                                  | 24.140.000     |
| 746 | NGUYỄN THỊ YÊN NHI    | 22/07/1999 | Nữ  | Thôn Thủ Thiện Hạ, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai                                         | 14.500.000     |
| 747 | NGUYỄN THIÊN MINH     | 05/12/2000 | Nam | 732A Nguyễn Trãi, phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh                             | 3.291.490      |
| 748 | NGUYỄN THUẬN          | 26/09/1997 | Nam | Thôn Thu Bồn Đông, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng                                    | 96.608.500     |
| 749 | NGUYỄN THUỶ NHI       | 20/06/1993 | Nữ  | 37 Cồn Dầu 24, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                   | 368.583.333    |
| 750 | NGUYỄN TIẾN PHONG     | 10/06/1976 | Nam | Căn hộ B3.16.15 Chung cư Eratown, khu phố 22, phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh         | 21.908.813     |
| 751 | NGUYỄN TIỂU MY        | 03/10/2000 | Nữ  | Thôn Hòa Lang, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng                                  | 9.000.000      |
| 752 | NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHÔI | 01/05/1999 | Nam | 1417/17 Trần Phú, TDP 9, phường 3 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng                            | 7.700.000      |
| 753 | NGUYỄN TRẦN ĐỨC ĐỨC   | 15/11/1996 | Nam | 02 Châu Thị Vĩnh Tế, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                         | 1.743.580.476  |
| 754 | NGUYỄN TRẦN THẢO VY   | 03/07/1998 | Nữ  | Tổ 48, khu phố 41, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                    | 3.000.000      |
| 755 | NGUYỄN TRUNG DŨNG     | 08/10/1986 | Nam | Tổ 06, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội                                             | 114.633.333    |
| 756 | NGUYỄN TRUNG HIỆU     | 31/08/1999 | Nam | 275 Lê Duẩn, thôn Phong Giang, xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Bình                      | 8.000.000      |
| 757 | NGUYỄN TUẤN HẢI       | 16/12/2001 | Nam | Tổ 16, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội                                           | 1.500.000      |

|     |                        |            |     |                                                                                                   |               |
|-----|------------------------|------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 758 | NGUYỄN TUẤN HÙNG       | 16/05/1993 | Nam | 21/13 Trần Quý Cáp, khu phố 2, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                | 119.504.167   |
| 759 | NGUYỄN TUÂN SAO        | 16/08/1991 | Nam | Tổ dân phố Quảng Công 4, phường Phong Quang, thành phố Huế                                        | 1.392.553     |
| 760 | NGUYỄN VĂN BÁT         | 20/08/1993 | Nam | Thôn Lê Sơn Nam, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng                                                   | 1.500.000     |
| 761 | NGUYỄN VĂN CHÁNH       | 13/08/1996 | Nam | Số 411 Đường Giải Phóng, Liên gia 2, Tổ dân phố 7, xã EaDrăng, tỉnh Đắk Lắk                       | 17.561.458    |
| 762 | NGUYỄN VĂN CHIÊN       | 04/07/2000 | Nam | Thôn Phú Khê, xã Tam Xuân 2, Núi Thành Quảng Nam                                                  | 750.000       |
| 763 | NGUYỄN VĂN DŨNG        | 12/11/1998 | Nam | Toà nhà CT3, căn hộ CH17.01, chung cư NOXH Bàu Trám, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng            | 1.671.464.831 |
| 764 | NGUYỄN VĂN DŨNG        | 13/04/1996 | Nam | Thôn Nam Hà Lam, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng                                                 | 15.350.000    |
| 765 | NGUYỄN VĂN HẢI         | 11/06/1996 | Nam | Phòng 315 chung cư Vicoland, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                  | 8.640.000     |
| 766 | NGUYỄN VĂN HIỀU        | 23/04/1992 | Nam | 79/57/13 Hùng Vương, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ                                          | 12.553.667    |
| 767 | NGUYỄN VĂN HỒNG NHUNG  | 08/12/1988 | Nữ  | 296/73 Lương Định Của, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                       | 20.658.291    |
| 768 | NGUYỄN VĂN MINH        | 27/03/1995 | Nam | 2/4 Kiệt 79 Đào Duy Anh, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                           | 540.000       |
| 769 | NGUYỄN VĂN NGHĨA       | 28/09/1998 | Nam | Số nhà 37, đường Đoàn Lân, thôn Phong Sơn, xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị                         | 20.209.667    |
| 770 | NGUYỄN VĂN NGUYỄN      | 03/02/1982 | Nam | TDP 7, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                        | 8.104.561.583 |
| 771 | NGUYỄN VĂN SÁNG        | 02/01/1996 | Nam | Tổ dân phố Vĩnh Hòa, phường Phong Dinh, thành phố Huế                                             | 2.552.083     |
| 772 | NGUYỄN VĂN THUỶ        | 20/02/1991 | Nữ  | Thôn Gia Huệ, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                        | 3.409.300.034 |
| 773 | NGUYỄN VĂN TIỀN        | 20/10/1985 | Nam | 493 Hoàng Diệu, phường Hoà Thuận Đông, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng                                  | 1.194.038.584 |
| 774 | NGUYỄN VĂN TÌNH        | 19/11/1999 | Nam | Ấp Tapasa I, xã Trí Mãi, tỉnh Cà Mau                                                              | 16.298.834    |
| 775 | NGUYỄN VĂN TUẤN        | 18/10/1980 | Nam | 226/6 Sấm B'Râm, TDP, phường Eakao, tỉnh Đắk Lắk                                                  | 89.096.880    |
| 776 | NGUYỄN VĂN TƯỜNG       | 24/06/1984 | Nam | B-1.02, chung cư Victoria Premium, 77A Nguyễn Trung Trực, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp           | 17.468.750    |
| 777 | NGUYỄN VĂN XUÂN TÂM    | 28/03/1991 | Nữ  | Tổ 2, thôn Vĩnh Diêm Trung, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                  | 14.822.606    |
| 778 | NGUYỄN VIỆT HẢI        | 29/06/1988 | Nam | 76 Lý Thái Tổ, phường Hương An, thành phố Huế                                                     | 24.938.032    |
| 779 | NGUYỄN VIỆT TOÀN       | 19/10/1992 | Nam | Tổ 12, KV3, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                     | 7.920.944.098 |
| 780 | NGUYỄN VIỆT TRUNG      | 10/12/1989 | Nam | Khu phố 8, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                                                     | 45.505.000    |
| 781 | NGUYỄN VIỆT TUYẾN      | 26/08/1996 | Nam | Tổ 4, Ấp Phú Diên, xã Phú Hòa, tỉnh Đồng Nai                                                      | 5.024.444     |
| 782 | NGUYỄN VĨNH TOÀN       | 15/09/1994 | Nam | Thôn 5, xã Tân Tiến, tỉnh Đắk Lắk                                                                 | 600.133.334   |
| 783 | NGUYỄN VŨ DUY QUANG    | 23/04/1985 | Nam | Tổ 10, phường Thủy Xuân, thành phố Huế                                                            | 5.760.106     |
| 784 | NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH   | 18/04/1992 | Nữ  | Căn hộ 1.9 chung cư 152/69 đường D1, Khu Phố 52, phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh       | 13.658.244    |
| 785 | NGUYỄN XUÂN TUẤN       | 11/02/1993 | Nam | Thôn 9, xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk                                                                  | 40.788.749    |
| 786 | NGUYỄN XUÂN TÙNG DUYỀN | 17/09/1993 | Nữ  | K19/66 Mai Xuân Thưởng, tổ 5, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                 | 21.500.000    |
| 787 | NGUYỄN Ý NHI           | 04/02/1993 | Nữ  | 229/7 Lê Thanh Nghị, Tổ 46 khu phố 9, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                               | 4.510.000     |
| 788 | NINH PHƯỚC TOÀN        | 14/05/1994 | Nam | TDP9, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                                                          | 1.875.000     |
| 789 | PHẠM BÁ ĐẠT            | 05/08/1996 | Nam | 103 Phạm Ngọc Thạch, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                         | 75.102.189    |
| 790 | PHẠM ĐẮC TÂN           | 01/01/2001 | Nam | 416/12 Dương Quảng Hàm, Khu Phố 25, phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh                         | 4.429.444     |
| 791 | PHẠM ĐĂNG THI          | 08/08/1998 | Nam | 1206/10 Huỳnh Tấn Phát, Khu Phố 19, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh                          | 1.835.638     |
| 792 | PHẠM ĐÌNH CƯỜNG        | 02/11/1993 | Nam | B1001 Chung cư Polygon, 11A Bê Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh | 12.875.000    |
| 793 | PHẠM GIA KHIÊM         | 01/01/1998 | Nam | Xóm 9, La Châu, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi                                                      | 2.000.000     |
| 794 | PHẠM HỮU NGHĨA         | 03/04/1998 | Nam | 1148/5, Ấp Hiệp Phước Tây, xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh                                   | 6.188.000     |
| 795 | PHẠM HUY LINH          | 19/08/1986 | Nam | 14 Lê Thanh Nghị, Tổ 42, Khu phố 59, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                | 4.000.000     |
| 796 | PHẠM LÊ NA             | 09/01/1990 | Nữ  | Số nhà 6, Ngõ 45 đường Tôn Đức Thắng, Tổ dân phố Nam Lý 3, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị        | 361.071.552   |
| 797 | PHẠM LÊ QUỲ ĐỨC        | 19/11/2002 | Nam | 2/23 Nguyễn Hoàng, phường Kim Long, thành phố Huế                                                 | 2.975.000     |

|     |                       |            |     |                                                                                                                       |               |
|-----|-----------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 798 | PHẠM MẠNH ÂN          | 31/05/2002 | Nam | 105-10/ Lê Thị Linh, tổ Đồng Xuân 4, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                                 | 28.816.000    |
| 799 | PHẠM MINH CHIẾN       | 05/12/1998 | Nam | Thôn Huỳnh Cung, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội                                                                       | 82.367.812    |
| 800 | PHẠM MINH ĐỨC         | 18/12/1990 | Nam | Thôn Hiền Vinh, xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Trị                                                                          | 289.254.758   |
| 801 | PHẠM MINH THẮNG       | 11/08/2000 | Nam | 71/15 Đường số 14, khu phố 11, phường Thông Tây Hội, thành phố Hồ Chí Minh                                            | 4.165.000     |
| 802 | PHẠM NGỌC BẢO TRẦN    | 20/10/2000 | Nữ  | Khu phố 3, Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên                                                                                  | 2.000.000     |
| 803 | PHẠM NGỌC QUÝ         | 24/03/1977 | Nam | Tổ dân phố 6 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị                                                                | 12.502.500    |
| 804 | PHẠM NGỌC TOÀN        | 22/03/1993 | Nam | Xóm 4A, thôn Mỹ Huệ, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi                                                                     | 9.237.500     |
| 805 | PHẠM NGUYỄN CƯỜNG     | 23/06/1996 | Nam | Tổ 10 Sơn Phong, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng                                                                     | 360.711.433   |
| 806 | PHẠM NGUYỄN ĐỨC THUẬN | 12/10/2000 | Nam | Đường Lê Quý Đôn, ấp Mỹ An 3, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp                                                            | 15.120.278    |
| 807 | PHẠM NGUYỄN NGỌC TRÂM | 19/09/1994 | Nữ  | Tổ dân phố Khánh Cam, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa                                                                  | 9.637.500     |
| 808 | PHẠM NGUYỄN XUÂN VINH | 04/03/1984 | Nam | 59 Bắc Ái, khu phố 35, phường Phú Thọ Hòa, thành phố Hồ Chí Minh                                                      | 24.790.625    |
| 809 | PHẠM PHÚ CƯỜNG        | 20/10/1994 | Nam | Phước Ninh - Hải Châu - Đà Nẵng                                                                                       | 3.540.000     |
| 810 | PHẠM PHÚ THİN         | 26/09/1988 | Nam | 10 Mỹ Đa Đông 6, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                               | 13.500.000    |
| 811 | PHẠM PHƯỚC AN         | 17/08/1995 | Nam | Áp 5, Thị trấn Nàng Mau, xã Vị Thuỷ, thành phố Cần Thơ                                                                | 2.069.565     |
| 812 | PHẠM PHƯỚC QUÝ        | 22/02/1991 | Nam | phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh                                                                                | 13.758.333    |
| 813 | PHẠM THÁI THẠCH       | 26/02/1992 | Nam | Nhà trọ Trần Phi (tờ 21, thửa 143) - Tổ 48, Khu phố 3, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai                                | 750.000       |
| 814 | PHẠM THÀNH LONG       | 08/05/1984 | Nam | Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La                                                                                 | 2.552.083     |
| 815 | PHẠM THANH NAM        | 17/01/1985 | Nam | 229 Quốc Tuấn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                                       | 2.975.000     |
| 816 | PHẠM THẾ HÙNG         | 13/01/1997 | Nam | Tổ 5, TDP 9 phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình                                                                          | 52.592.224    |
| 817 | PHẠM THỊ BÍCH TRÂM    | 30/01/1993 | Nữ  | Tổ 6 khu vực 7, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai                                                                     | 29.300.000    |
| 818 | PHẠM THỊ BÍCH TRÂM    | 28/06/2000 | Nữ  | Thôn Thạc Lợi, xã Diên Lạc, tỉnh Khánh Hoà                                                                            | 13.403.167    |
| 819 | PHẠM THỊ CẨM VÂN      | 17/11/1983 | Nữ  | Hà Tây 2, phường Điện Bàn Bắc, thành phố Đà Nẵng                                                                      | 1.177.170.809 |
| 820 | PHẠM THỊ HỒNG THÁI    | 14/05/2000 | Nữ  | Thôn Cao Cựu, xã Nam Gianh, tỉnh Quảng Trị                                                                            | 3.000.000     |
| 821 | PHẠM THỊ HUYỀN MY     | 29/05/1994 | Nữ  | 109 Lý Thường Kiệt, Tổ 5, Khu phố 2, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh                                             | 1.202.660     |
| 822 | PHẠM THỊ KIỀU GIANG   | 18/12/1993 | Nữ  | Thôn Liên Khương, xã Phú Sơn, tỉnh Ninh Bình                                                                          | 790.949.161   |
| 823 | PHẠM THỊ KIM OANH     | 10/08/1994 | Nữ  | 47 Xuân Thuỷ, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị                                                                       | 4.114.362     |
| 824 | PHẠM THỊ LƯU          | 31/05/2000 | Nữ  | Căn hộ 21.03 Tầng 21 Toà nhà chung cư S7.02 (Dự án Khu dân cư và Công viên Phước Thiện), 88 Đường Phước Thiện, KP.24, | 1.600.000     |
| 825 | PHẠM THỊ MAI VÂN      | 15/06/1996 | Nữ  | Thôn Lạc Long, xã Nam An Phú, thành phố Hải Phòng                                                                     | 3.783.489.617 |
| 826 | PHẠM THỊ MINH TRANG   | 22/06/1997 | Nữ  | TDP 10, phường Dương Nỗ, thành phố Huế                                                                                | 1.392.553     |
| 827 | PHẠM THỊ MỸ YẾN       | 07/11/1989 | Nữ  | 05.05 Tầng 5, Khu B3, Hoàng Anh Gold House, Tổ 2, Ấp 3, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP.HCM                           | 16.320.000    |
| 828 | PHẠM THỊ NGỌC CHÂU    | 08/03/1992 | Nữ  | Thôn Tân Khánh, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hoà                                                                          | 15.784.375    |
| 829 | PHẠM THỊ NGỌC THƠM    | 30/10/1994 | Nữ  | Thôn Phước Tường, xã Phú Lộc, thành phố Huế                                                                           | 126.965.833   |
| 830 | PHẠM THỊ NGUYỆT       | 20/08/1993 | Nữ  | Số nhà 44 Phước Lý 2, Tổ 126, phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                     | 16.656.890    |
| 831 | PHẠM THỊ PHƯƠNG LAN   | 02/01/1996 | Nữ  | Thôn Xuân Tuỷ, xã Đan Điền, thành phố Huế                                                                             | 400.000       |
| 832 | PHẠM THỊ THÙY TRANG   | 04/09/1995 | Nữ  | TDP Bàu Tràm 1, Tòa CT1, căn hộ CH1611, chung cư Bàu Tràm, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng                          | 41.222.949    |
| 833 | PHẠM THỊ VỘC          | 26/04/1992 | Nữ  | Áp Xẻo Đồi, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau                                                                                  | 5.255.042     |
| 834 | PHẠM THỊ XUÂN ĐIỀU    | 09/07/1987 | Nữ  | 23 Nguyễn Hoàng, Tổ 57, Khu phố 11, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                     | 1.827.055.833 |
| 835 | PHẠM THỊ YẾN LINH     | 19/11/1999 | Nữ  | Thôn Xuân Điền, Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam                                                          | 4.500.000     |
| 836 | PHẠM THỊ YẾN NGỌC     | 15/08/1992 | Nữ  | P408, CT1, nhà ở công vụ Bộ Quốc Phòng, tổ 8, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                        | 1.050.000     |
| 837 | PHẠM TÔN BẢNG PHƯƠNG  | 18/05/1988 | Nam | TDP 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk                                                                                    | 1.250.000     |

|     |                      |            |     |                                                                                                                     |               |
|-----|----------------------|------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 838 | PHAM TRÀ DIỄM HƯƠNG  | 24/05/1993 | Nữ  | 16 Thanh Duyên, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng                                                                  | 1.216.667     |
| 839 | PHAM TRỌNG LỰC       | 14/02/1997 | Nam | Xóm 3, thôn Lâm Lộc Nam, xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi                                                               | 1.500.000     |
| 840 | PHẠM VĂN BÁCH        | 09/07/1997 | Nam | Thôn Yên Thịnh, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình                                                                           | 7.200.000     |
| 841 | PHẠM VĂN QUÝ         | 13/05/1993 | Nam | 21 Mang Cá Nhỏ, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                                      | 12.325.000    |
| 842 | PHẠM VĂN TUẤN        | 03/05/1984 | Nam | TDP Phong Phú, phường Hoà Thắng, tỉnh Khánh Hoà                                                                     | 44.502.863    |
| 843 | PHẠM XUÂN SƠN        | 10/07/1979 | Nam | 12 Nhà A1 TT QĐ Viện KT ô tô Xã Dân, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội                                               | 2.250.000     |
| 844 | PHẠM YÊN NGỌC        | 30/08/2001 | Nữ  | 27 Đô Độc Mưu, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                                         | 11.280.000    |
| 845 | PHAN ANH ĐỨC         | 05/03/1996 | Nam | 48 - 50 Trần Minh Tông, phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                         | 13.931.250    |
| 846 | PHAN ANH TRƯỜNG      | 29/07/2001 | Nam | Tân Lợi II, EAuy, K rộng, Đăk Lăk                                                                                   | 6.700.000     |
| 847 | PHAN ANH VŨ          | 01/01/1999 | Nam | K944/16 Trần Cao Văn, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                           | 1.500.000     |
| 848 | PHAN CÔNG HỘI        | 10/02/1996 | Nam | 99A Trần Văn Dư, phường Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng                                                                       | 1.000.000     |
| 849 | PHAN CÔNG THANH      | 30/09/1986 | Nam | Tổ 4, KP Ngọc Sơn Bắc, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                               | 2.660.590.045 |
| 850 | PHAN ĐĂNG TÀI        | 29/07/1997 | Nam | Thôn Ba Lãng. xã Phú Hộ, thành phố Huế                                                                              | 2.552.083     |
| 851 | PHAN HÀ NHI          | 19/11/1996 | Nữ  | Thôn Vĩnh Sơn, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Bình                                                                        | 8.166.667     |
| 852 | PHAN HỒ PHƯƠNG UYÊN  | 16/10/1992 | Nữ  | 334 Tăng Bạt Hổ, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                                     | 15.059.580    |
| 853 | PHAN HOÀNG KIM       | 24/05/1983 | Nữ  | K14/11 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                                | 15.020.167    |
| 854 | PHAN HỮU KỶ          | 20/07/2001 | Nam | Thôn 8, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Bình                                                                                | 1.428.000     |
| 855 | PHAN HỮU THƯỢNG NHÂN | 30/06/1985 | Nam | 5/18 Nguyễn Tri Phương, phường Thuận Hoá, thành phố Huế                                                             | 4.389.643     |
| 856 | PHAN KIM ÁNH         | 28/10/1999 | Nữ  | 4 Nguyễn Trường Tộ, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                              | 362.610.701   |
| 857 | PHAN NGỌC HƯƠNG      | 01/02/1998 | Nữ  | TDP Thanh Ba 3, xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ                                                                           | 375.000       |
| 858 | PHAN NHẬT ANH        | 10/01/1995 | Nam | Thôn Cự Lại Trung, phường Thuận An, thành phố Huế                                                                   | 5.696.809     |
| 859 | PHAN PHÚ             | 27/06/1999 | Nam | 157 Nguyễn Mậu Tài, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                              | 3.000.000     |
| 860 | PHAN QUỐC DUY        | 10/07/1991 | Nam | Khu phố 25, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                                       | 5.000.000     |
| 861 | PHAN THÁI ANH MINH   | 12/11/1994 | Nam | C7-02 Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                     | 3.500.000     |
| 862 | PHAN THÁI DUY PHƯỚC  | 16/10/1995 | Nữ  | 79 Lê Văn Hiến, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                              | 32.400.000    |
| 863 | PHAN THANH KHẢI      | 28/08/1995 | Nam | 37 Nguyễn Viết Xuân, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                              | 110.655.367   |
| 864 | PHAN THANH NHẬT      | 05/02/1983 | Nam | Tổ 9, Sơn Thuận, xã Xuân Sơn, thành phố Hồ Chí Minh                                                                 | 26.119.250    |
| 865 | PHAN THỊ BÍCH HUỆ    | 02/02/1990 | Nữ  | Thông Quảng Đại, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                                       | 108.550.416   |
| 866 | PHAN THỊ EM          | 14/04/1990 | Nữ  | Thôn Ba Lãng. xã Phú Hộ, thành phố Huế                                                                              | 1.666.000     |
| 867 | PHAN THỊ GĂM         | 22/03/2002 | Nữ  | Tổ dân phố Thanh Lương phường Kim Trà, thành phố Huế                                                                | 10.541.167    |
| 868 | PHAN THỊ HIỀN        | 11/02/2001 | Nữ  | Thôn Bích Giang, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Bình                                                                     | 2.913.021     |
| 869 | PHAN THỊ KIỀU LY     | 23/09/1997 | Nữ  | Tổ 2, Khu vực 5, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai                                                                  | 2.500.000     |
| 870 | PHAN THỊ MINH TRANG  | 29/09/1990 | Nữ  | Kiệt 113 Lê Lợi, khu phố 4, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                     | 414.777.083   |
| 871 | PHAN THỊ MỸ DUYÊN    | 01/11/1995 | Nữ  | Thôn Xuân Định, xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng                                                                     | 24.779.166    |
| 872 | PHAN THỊ MỸ TRANG    | 10/10/1990 | Nữ  | 25 Lỗ Giáng 2, tổ 58, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                            | 4.302.291     |
| 873 | PHAN THỊ NGỌC LÀNH   | 05/12/1993 | Nữ  | Tổ 53, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng                                                                         | 2.838.072.650 |
| 874 | PHAN THỊ NGỌC MAI    | 09/11/1982 | Nữ  | Tổ 11 TDP 6 phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                                                     | 200.801.773   |
| 875 | PHAN THỊ NGUYỄN THẢO | 17/04/1992 | Nữ  | Căn hộ chung cư số E-11.09, tầng 11, Toà E Toà chung cư FPT Plaza 3, TDP Đồng Trà 4, đường Hoàng Minh Thắng, phường | 2.900.000     |
| 876 | PHAN THỊ THANH NGÀ   | 02/01/1998 | Nữ  | 163 Lê Đại Hành, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                                   | 734.199.654   |
| 877 | PHAN THỊ THANH THẢO  | 21/06/1992 | Nữ  | 300/23/23A Nguyễn Văn Linh, phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 11.842.778    |

|     |                     |            |     |                                                                                                                  |                |
|-----|---------------------|------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 878 | PHAN THỊ THẢO UYÊN  | 23/10/2001 | Nữ  | Tổ 3, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                                        | 10.819.167     |
| 879 | PHAN THỊ THU        | 02/06/1996 | Nữ  | TDP 8, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị                                                                           | 296.997.417    |
| 880 | PHAN THỊ THU HƯỜNG  | 20/12/1996 | Nữ  | Tổ 32, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                                                                          | 12.480.000     |
| 881 | PHAN THỊ THU THẢO   | 20/06/1997 | Nữ  | Xóm An Nghĩa, thôn An Đức, xã Phú Cát, tỉnh Gia Lai                                                              | 2.250.000      |
| 882 | PHAN THỊ TRINH      | 10/06/1993 | Nữ  | Tổ 13, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                                                       | 1.544.885.331  |
| 883 | PHAN THỊ TƯỜNG VY   | 01/04/1999 | Nữ  | Thôn Đan Long, xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng                                                                   | 2.000.000      |
| 884 | PHAN TRỌNG NGUYỄN   | 04/10/1997 | Nam | Số 5 Kiệt 9, Báo Quốc, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                           | 12.318.230     |
| 885 | PHAN TRUNG HIẾU     | 13/07/1992 | Nam | 205/10 Khu vực Bình Yên B, phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ                                                  | 8.276.786      |
| 886 | PHAN VĂN QUỐC       | 11/08/1994 | Nam | Tổ 13 Khu vực 15, phường Hương An, thành phố Huế                                                                 | 2.552.083      |
| 887 | PHAN VĂN QUỐC TÙNG  | 05/11/1998 | Nam | Tổ 8, KV4, Xuân Phú, TP Huế                                                                                      | 4.125.000      |
| 888 | PHAN VINH HIẾU      | 25/11/1998 | Nam | Thôn La Văn Thương, xã Quảng Điền, thành phố Huế                                                                 | 1.166.667      |
| 889 | PHÙ THỊ SONG HẰNG   | 16/05/1980 | Nữ  | 235 Thống Nhất, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                             | 40.653.048     |
| 890 | PHÙNG HỌC LUÂN      | 01/07/1993 | Nam | 297/30/5 Tân Hòa Đông, Khu phố 69, phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh                                   | 1.500.000      |
| 891 | PHÙNG THỊ CẨM TÀI   | 10/09/2000 | Nữ  | 82 Trịnh Hoài Đức - tổ 5, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                       | 15.394.999     |
| 892 | PHÙNG THỊ NGỌC ANH  | 14/11/1993 | Nữ  | TDP6 Vân Gia, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội                                                                   | 15.220.000     |
| 893 | QUÁCH HUỲNH HIẾU    | 14/04/1981 | Nam | Lô L12-08 đường số 15, KDC An Bình, phường Rach Giá, tỉnh Kiên Giang                                             | 768.750        |
| 894 | QUẦN THIÊN VI       | 17/07/1994 | Nữ  | 95/2 Mậu Thân, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ                                                               | 5.238.587      |
| 895 | RALAN PHƯƠNG THẢO   | 20/11/1995 | Nữ  | 559/7 Lê Duẩn, TDP 3, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk                                                                | 2.049.444      |
| 896 | SEK NHẬT LONG       | 05/12/1998 | Nam | 88 Nguyễn Hữu Thầu TDP 7 Tân Lợi, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                                             | 9.732.500      |
| 897 | Sơn Ngọc Thanh      | 01/01/1992 | Nam | Phòng 01 Nhà trọ Quốc Anh, xã Tiểu Cần, tỉnh Vĩnh Long                                                           | 4.390.857      |
| 898 | SỬ THÀNH PHÁT       | 22/08/1992 | Nam | Tổ 38 phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                                        | 1.381.954.402  |
| 899 | TẠ NGỌC PHÚ         | 06/05/1998 | Nam | Thôn Phước Thiện 3, xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hòa                                                                 | 375.000        |
| 900 | TẠ TÙNG BẠCH        | 24/06/1991 | Nam | Căn hộ số 1210 Tòa SA5 (U38.1) ô đất F3-CH02 Dự án KĐT mới Tây Mỗ, Đại Mỗ - Vinhomes Park (Vinhomes Smart City - | 2.107.292      |
| 901 | THÁI THỊ HOA        | 01/06/1995 | Nữ  | Thôn Chánh Mẫn, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai                                                                         | 12.600.000     |
| 902 | THÁI THỊ TÂM        | 22/04/1993 | Nữ  | Khu phố Trí Bưu, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị                                                                | 8.377.667      |
| 903 | THÁI TRUNG BẢO      | 15/06/1988 | Nam | Số 13 Nguyễn Viết Xuân, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                                         | 23.078.500     |
| 904 | TÔ HOÀNG LÂM        | 14/06/1995 | Nam | Tổ 11 phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                                                     | 95.363.517     |
| 905 | TÔ HỒNG HẠNH        | 19/08/1994 | Nữ  | Tổ 20, KP 4A, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                                      | 3.015.863.021  |
| 906 | TÔ HỒNG TRÀ         | 28/03/1991 | Nam | 89/05 Núi Thành, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                                             | 36.380.895.528 |
| 907 | TÔ PHƯƠNG           | 09/10/1993 | Nam | Thôn Vinh Xuân, xã Phú Vinh, thành phố Huế                                                                       | 3.495.031      |
| 908 | TÔ THÀNH HIỆP       | 23/05/1988 | Nam | Tổ 1 thôn 10, xã Long Sơn, thành phố Hồ Chí Minh                                                                 | 2.851.042      |
| 909 | TÔN NỮ BẢO TRẦN     | 21/08/2001 | Nữ  | Hẻm 139 đường Tôn Đức Thắng, Khu phố Phước Thành, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh                           | 5.888.021      |
| 910 | TÔN THẮT ANH THỊ    | 24/10/1996 | Nam | 02 Thạch Hãn, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                                     | 4.581.500      |
| 911 | TÔN THẮT PHONG      | 03/04/1990 | Nam | 09 Nguyễn Thương Hiền, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk                                                               | 18.455.939     |
| 912 | TÔN THẮT TRÌNH      | 28/01/1990 | Nam | 1/137 Đinh Tiên Hoàng, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                            | 1.265.957      |
| 913 | TÓNG MINH NGỌC      | 20/01/1985 | Nữ  | Tổ 5, TDP 4, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị                                                                     | 27.366.945     |
| 914 | TRẦN NGÔ THỦY DƯƠNG | 04/10/1990 | Nữ  | Tổ 8, Phú Ân Nam 2, Diên An, Diên Khánh                                                                          | 1.750.000      |
| 915 | TRẦN MỸ XUÂN        | 20/10/1989 | Nữ  | 36A/12 Nghĩa Hưng, phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh                                                         | 1.076.064      |
| 916 | TRẦN ANH THY        | 10/07/1999 | Nữ  | Số nhà 346 Ấp Xóm Vông, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp                                                             | 4.403.000      |
| 917 | TRẦN ANH TUẤN       | 04/10/1995 | Nam | 128 Trần Nhật Duật, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội                                                           | 18.255.500     |

|     |                      |            |     |                                                                                                                |             |
|-----|----------------------|------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 918 | TRẦN BÁ QUÝ          | 29/01/1993 | Nam | W1 1109 Chung cư West Sky, KĐT Eco Garden, phường Võ Da, thành phố Huế                                         | 183.330.417 |
| 919 | TRẦN BẮNG TÂM        | 28/09/1994 | Nữ  | 30/6A Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Cần Thơ                                                        | 19.193.500  |
| 920 | TRẦN BẢO CHUNG       | 02/09/1988 | Nam | E36 Khu quy hoạch Phạm Hồng Thái, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                    | 124.719.120 |
| 921 | TRẦN BÌNH GIẢNG      | 10/06/1987 | Nam | Ô 18 Lô 5 Đền Lừ 1, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội                                                         | 884.045.816 |
| 922 | TRẦN CAO DANH        | 01/07/2001 | Nam | K408/06 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                                        | 15.650.000  |
| 923 | TRẦN ĐĂNG MINH       | 01/03/1981 | Nam | TDP 11, phường Thủy Xuân, thành phố Huế                                                                        | 7.616.000   |
| 924 | TRẦN ĐIỂM THÚY       | 13/02/1992 | Nữ  | Tổ 55, khu vực 10, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai                                                               | 699.251.764 |
| 925 | TRẦN ĐÌNH HẸN        | 16/06/1982 | Nam | Mỹ Ca, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa                                                                     | 4.031.250   |
| 926 | TRẦN ĐÌNH HOÀI ĐỨC   | 22/03/1990 | Nam | Kiệt 48, phường An Cựu, thành phố Huế                                                                          | 3.266.667   |
| 927 | TRẦN ĐÌNH MINH       | 25/11/1992 | Nam | 7C/100 Nguyễn Tri Phương, Phường 14, Quận 10, TP.HCM                                                           | 5.600.000   |
| 928 | TRẦN ĐÌNH MINH QUANG | 11/07/2001 | Nam | 12/43 Nguyễn Công Trứ, phường Thuận Hòa, thành phố Huế                                                         | 9.737.000   |
| 929 | TRẦN ĐÌNH THÀNH      | 30/09/1995 | Nam | 23A/64 Nguyễn Công Trứ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                                        | 22.218.667  |
| 930 | TRẦN ĐỨC HIẾU        | 17/02/2000 | Nam | Cầu Mười, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                                                                           | 825.000     |
| 931 | TRẦN DƯƠNG NHẬT UY   | 09/09/1991 | Nam | 124 Hàm Nghi, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                                                                | 2.940.000   |
| 932 | TRẦN HẢI YẾN         | 01/07/2000 | Nữ  | Thôn 8, xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình                                                                           | 3.000.000   |
| 933 | TRẦN HOÀNG HUY       | 31/03/1994 | Nam | 23 Đông Hồ, khu phố 43, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh                                               | 11.000.000  |
| 934 | TRẦN HOÀNG VĂN       | 15/08/1985 | Nam | 53/75, Nguyễn Việt Dũng, khu vực 3, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ                                        | 9.760.714   |
| 935 | TRẦN HUY HÒA         | 19/06/2000 | Nam | Căn 723, Chung cư CT1 VCN Phước Hải, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                      | 6.945.000   |
| 936 | TRẦN HUỖNH TÂM NHƯ   | 28/09/2002 | Nữ  | Khu vực Chợ Mới, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ                                                               | 2.550.000   |
| 937 | TRẦN KHÁNH DƯ        | 28/07/1990 | Nam | Số 08 Lô X2, Ấp Thanh Sơn, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                                                    | 18.750      |
| 938 | TRẦN KHÁNH NHẬT      | 01/11/2000 | Nam | Thôn Hồng Phú, xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh                                                                      | 4.310.714   |
| 939 | TRẦN KHÁNH TRÌNH     | 22/08/1997 | Nam | Số 7, ngõ 8 đường Minh Khai, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An                                                   | 696.277     |
| 940 | TRẦN KHÁNH VÂN       | 16/05/1987 | Nữ  | TDP 9 phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                                                         | 54.032.260  |
| 941 | TRẦN KIM THỐNG       | 03/09/2000 | Nữ  | Thôn Phước Khương, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng                                                                 | 86.899.750  |
| 942 | TRẦN LÊ ANH TUẤN     | 19/05/1996 | Nam | Căn hộ 18.17, tầng 18, tòa S2.05, Khu dân cư và công viên Phước Thiên, 512 Nguyễn Xiển, Khu phố 9, phường Long | 30.153.333  |
| 943 | TRẦN LÊ ĐĂNG LONG    | 04/06/1990 | Nam | 13 Thanh Hương, phường Phú Xuân, thành phố Huế                                                                 | 147.825.000 |
| 944 | TRẦN LÊ HUY          | 13/09/1994 | Nam | 47 Ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội                                                      | 47.974.999  |
| 945 | TRẦN LÊ MINH HIẾU    | 25/02/2000 | Nam | K34/H07/15 Thi Sách, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                                       | 14.200.000  |
| 946 | TRẦN LÊ THANH        | 08/06/1992 | Nam | 332/H8/3 Hải Phòng, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                                        | 484.167.027 |
| 947 | TRẦN LIỄN BỬU        | 07/05/1997 | Nam | 175/4 Nguyễn Chế Nghĩa, phường Phú Định, thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 406.667     |
| 948 | TRẦN LIÊU MINH TRÍ   | 01/01/1990 | Nam | 29/108 đường Trương Định, phường Châu Đốc, tỉnh Kiên Giang                                                     | 17.947.074  |
| 949 | TRẦN LƯƠNG NHƯ NGOC  | 30/10/2001 | Nữ  | Thôn Quảng Đại 1, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                                                                 | 3.500.000   |
| 950 | TRẦN MẠNH CƯỜNG      | 30/04/1992 | Nam | 07.16 Khối A, Chung cư Homyland 2, 307 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh        | 67.517.959  |
| 951 | TRẦN MẠNH TÂM        | 14/09/1999 | Nam | Buôn Kao, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk                                                                          | 8.134.714   |
| 952 | TRẦN MINH KHÁNH      | 28/05/1997 | Nam | Tổ dân phố 3 Phú Vinh, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình                                                        | 8.820.672   |
| 953 | TRẦN MINH KIẾN       | 17/10/1999 | Nam | 139 Trần Phú, thôn Hồ Xá Trung, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Bình                                                  | 77.415.818  |
| 954 | TRẦN MINH TÂM        | 27/01/1994 | Nam | Thôn Hà Trung, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Bình                                                                    | 111.754.500 |
| 955 | TRẦN MINH VŨ         | 06/07/1990 | Nam | 175 Võ Trứ, khu vực Phú Thành, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                                                | 6.500.000   |
| 956 | TRẦN MỸ LINH         | 27/07/2001 | Nữ  | Thôn Trà Lý, xã Tam Anh, thành phố Đà Nẵng                                                                     | 825.000     |
| 957 | TRẦN MỸ NHUNG        | 10/11/1994 | Nữ  | 7 đường 19, Khu phố 3 phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 45.109.791  |

|     |                      |            |     |                                                                                                             |               |
|-----|----------------------|------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 958 | TRẦN NGỌC BÍCH       | 02/07/2000 | Nữ  | Thôn Cổ Lũy, xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi                                                                     | 5.050.000     |
| 959 | TRẦN NGỌC MINH THU'  | 21/05/1990 | Nữ  | 1041/82 Cách Mạng Tháng Tám khu phố 22, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh                          | 8.687.500     |
| 960 | TRẦN NGỌC PHÚ        | 19/03/1994 | Nam | Thôn 11, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng                                                                           | 11.451.250    |
| 961 | TRẦN NGỌC THẮNG      | 21/09/1994 | Nam | Số nhà 37, thôn 7 xã Dang Kang, tỉnh Đắk Lắk                                                                | 557.813       |
| 962 | TRẦN NGỌC THANH      | 10/02/1982 | Nam | TDP 15, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị                                                                     | 750.000       |
| 963 | TRẦN NGỌC THANH      | 16/07/1995 | Nữ  | Tổ 3 Vĩnh Diêm, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                        | 8.800.000     |
| 964 | TRẦN NGỌC TRỌNG      | 25/09/1992 | Nam | Thôn Phú Ân Nam 2, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa                                                            | 562.500       |
| 965 | TRẦN NGUYỄN MINH TÂM | 15/08/1994 | Nam | 304/22 Phan Đình Phùng, phường Cầu Kiêu, thành phố Hồ Chí Minh                                              | 5.156.667     |
| 966 | TRẦN NHẬT HUYNH      | 23/08/1996 | Nam | K26/26 Duy Tân, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                                         | 2.000.000     |
| 967 | TRẦN NHƯ Ý           | 01/07/1998 | Nữ  | Tổ 87, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                                   | 2.250.000     |
| 968 | TRẦN PHAN NGỌC DIỄM  | 15/03/1993 | Nữ  | 22D1, Tổng Duy Tân, phường Tam Thắng, thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 175.511.317   |
| 969 | TRẦN PHÚC HIẾU       | 25/08/1997 | Nam | K266/34/11D Hoàng Diệu, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                  | 15.200.000    |
| 970 | TRẦN PHƯƠNG TÂM      | 30/05/1985 | Nam | 149 Ấp Hưng Lợi, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp                                                                  | 400.000       |
| 971 | TRẦN QUANG NHĨ       | 21/07/1982 | Nam | 74, Phan Văn Trị, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                                          | 39.303.333    |
| 972 | TRẦN QUỐC ANH        | 17/06/1993 | Nam | Thôn Tân Vĩnh, xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh                                                                     | 25.229.792    |
| 973 | TRẦN QUỐC NHỰT       | 23/03/1996 | Nam | TDP Hà Ra, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                             | 5.633.511     |
| 974 | TRẦN QUỐC SĨ         | 03/10/1993 | Nam | 388 Quang Trung, Bình Định, Thị xã An Nhơn, Bình Định                                                       | 3.500.000     |
| 975 | TRẦN QUỐC TOÀN       | 27/10/1987 | Nam | Căn hộ C15.13, block C, tầng 15, NOXH chung cư Hoàng Văn Thu, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai             | 4.155.000     |
| 976 | TRẦN THANH MỪNG      | 06/06/1995 | Nam | Tổ 7, P. Phú Bài, TX Hương Thủy, TT Huế                                                                     | 46.285.938    |
| 977 | TRẦN THANH NHÃ       | 18/12/1996 | Nam | Đội 3, thôn Vĩnh Trung, xã Vĩnh Hoàng, tỉnh Quảng Bình                                                      | 3.200.000     |
| 978 | TRẦN THÀNH TÂM       | 07/02/1998 | Nữ  | Khu phố 2 Long Phước, phường Tam Long, thành phố Hồ Chí Minh                                                | 7.215.957     |
| 979 | TRẦN THANH TÚ        | 07/03/1997 | Nam | Căn hộ 9.01, Lầu 9, Khối A, chung cư C2 (Parc Spring), khu phố 19, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh | 61.929.500    |
| 980 | TRẦN THANH VINH      | 14/09/1987 | Nam | Thôn Đông Dinh, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa                                                               | 2.975.000     |
| 981 | TRẦN THẾ HUÂN        | 01/11/1939 | Nam | 51/53/39 Võ Văn Kiệt, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk                                                       | 405.000       |
| 982 | TRẦN THỊ BÁCH KHOA   | 19/07/1998 | Nữ  | 195 Hoàng Đình Ái, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                       | 408.520.189   |
| 983 | TRẦN THỊ BÍCH HƯỜNG  | 13/07/1989 | Nữ  | K106/16 Huỳnh Thúc Kháng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                                | 1.081.033.860 |
| 984 | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC   | 11/09/1985 | Nữ  | Tổ 2, Quảng Lãng Đông, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                                              | 65.510.153    |
| 985 | TRẦN THỊ BÍCH THẢO   | 29/03/1983 | Nữ  | Thôn Đại Diên Nam 2, xã Diên Diên, tỉnh Khánh Hòa                                                           | 605.520.291   |
| 986 | TRẦN THỊ CẨM TRANG   | 25/05/1985 | Nữ  | Căn hộ 712, Khu C1, KĐT An Văn Dương, phường Võ Dạ, thành phố Huế                                           | 382.730.626   |
| 987 | TRẦN THỊ CHÚC QUỲNH  | 09/12/2001 | Nữ  | Ấp Ngã Bát, xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau                                                                       | 1.942.857     |
| 988 | TRẦN THỊ DIỄM HOÀI   | 24/01/1993 | Nữ  | 610 Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                     | 15.703.103    |
| 989 | TRẦN THỊ DIỄM MY     | 01/06/1998 | Nữ  | Thôn Thuận Đông, xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng                                                              | 1.188.612.751 |
| 990 | TRẦN THỊ DUYÊN       | 07/07/1995 | Nữ  | 85/51 Hương Lộ Ngọc Hiệp, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                              | 4.050.000     |
| 991 | TRẦN THỊ HẠNH        | 02/07/1999 | Nữ  | 163 đường 29/3, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                                                          | 3.000.000     |
| 992 | TRẦN THỊ HIỀN        | 04/07/1993 | Nữ  | Thôn Trần Thương, xã Trần Thương, tỉnh Ninh Bình                                                            | 4.200.000     |
| 993 | TRẦN THỊ HỒNG NGỌC   | 10/05/1994 | Nữ  | 766/83/27A Cách Mạng Tháng 8, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh                                    | 3.378.524     |
| 994 | TRẦN THỊ KIỀU TRANG  | 16/10/1988 | Nữ  | 139/2 Nguyễn Công Trứ, tổ 1 An Nhơn, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                       | 7.395.660.949 |
| 995 | TRẦN THỊ KIM NGÂN    | 04/05/2001 | Nữ  | Lô 22 ô 21 Đồng Mương, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                 | 2.114.729     |
| 996 | TRẦN THỊ KIM THOA    | 10/10/1994 | Nữ  | Thôn Ninh Ích, xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                                                              | 2.522.283     |
| 997 | TRẦN THỊ LÂM HẠ      | 12/11/1995 | Nữ  | 72B Trần Khánh, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                                                        | 2.198.913     |

|      |                      |            |    |                                                                                    |               |
|------|----------------------|------------|----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 998  | TRẦN THỊ LOAN        | 01/01/1983 | Nữ | 89 Nguyễn Văn Tấn, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng                              | 799.977.992   |
| 999  | TRẦN THỊ LOAN        | 20/12/2000 | Nữ | Thôn Hải Thái, xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Bình                                        | 1.700.000     |
| 1000 | TRẦN THỊ MAI THẢO    | 14/09/1996 | Nữ | 62 Nguyễn Thần Hiến, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                        | 6.825.000     |
| 1001 | TRẦN THỊ MINH VY     | 02/08/1999 | Nữ | Lô 48 khu B2-104 đường Phan Huỳnh Điểu, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng     | 270.947.918   |
| 1002 | TRẦN THỊ MỸ HẠNH     | 02/01/1992 | Nữ | K294/56 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                         | 1.418.442.333 |
| 1003 | TRẦN THỊ MỸ LANG     | 18/07/1997 | Nữ | KP Long Mỹ, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai                                      | 750.000       |
| 1004 | TRẦN THỊ MỸ LỆ       | 10/11/1987 | Nữ | 182 Huỳnh Tấn Phát, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                               | 14.836.667    |
| 1005 | TRẦN THỊ MỸ LINH     | 05/08/1998 | Nữ | Tổ 75, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                      | 2.250.000     |
| 1006 | TRẦN THỊ NGÀN        | 22/08/1993 | Nữ | 318A Hoàng Văn Thu, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                              | 2.881.667     |
| 1007 | TRẦN THỊ NGỌC HIỀN   | 23/01/1982 | Nữ | TDP 9, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                         | 2.113.287.423 |
| 1008 | TRẦN THỊ NGỌC LINH   | 03/08/1989 | Nữ | 09 Núi Thành, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                                  | 674.970.258   |
| 1009 | TRẦN THỊ NGỌC TUYẾT  | 26/06/1996 | Nữ | Tổ 47, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                         | 1.655.121.000 |
| 1010 | TRẦN THỊ NGỌC UYÊN   | 11/11/1997 | Nữ | Căn hộ 615/B KCC NHD C2, tổ 39N, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                 | 19.500.000    |
| 1011 | TRẦN THỊ NHƯ Ý       | 04/01/1992 | Nữ | Tòa CT5, căn hộ CH15.15, chung cư NOXH Bàu Trâm, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng | 2.299.996.061 |
| 1012 | TRẦN THỊ NHUNG       | 12/02/1991 | Nữ | K408/162 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                           | 2.369.939.009 |
| 1013 | TRẦN THỊ PHƯƠNG      | 28/02/1995 | Nữ | K141/10/12 Tiểu La, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                            | 28.182.667    |
| 1014 | TRẦN THỊ PHƯƠNG NGÀ  | 02/08/1980 | Nữ | 34 Hà Đông 2, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                  | 18.150.000    |
| 1015 | TRẦN THỊ PHƯƠNG THÚY | 24/11/2001 | Nữ | 7/2/119 Hùng Vương, phường Thuận Hóa, thành phố Huế                                | 55.966.001    |
| 1016 | TRẦN THỊ QUỲNH GIANG | 15/06/1986 | Nữ | 85 Trương Công Hy, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                          | 815.990.755   |
| 1017 | TRẦN THỊ SƯƠNG       | 21/07/1995 | Nữ | Thôn Tân An, xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Bình                                          | 3.000.000     |
| 1018 | TRẦN THỊ THANH DUYÊN | 03/08/2002 | Nữ | Số nhà 60 ngõ 14 kiệt 461 đường Chi Lăng, phường Phú Xuân, thành phố Huế           | 11.893.500    |
| 1019 | TRẦN THỊ THANH HUYỀN | 22/09/1998 | Nữ | Số 8 ngõ 47 Lâm Du, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội                                 | 3.000.000     |
| 1020 | TRẦN THỊ THANH THẢO  | 24/10/1992 | Nữ | 138/4 Nguyễn Phước Nguyên, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                        | 165.191.667   |
| 1021 | TRẦN THỊ THANH THIÊN | 11/04/1993 | Nữ | 162/15/19 Nguyễn Thái Học, khu phố 8, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai            | 3.200.000     |
| 1022 | TRẦN THỊ THANH VÂN   | 22/04/2000 | Nữ | 125/15 Nguyễn Thái Học, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                          | 4.080.000     |
| 1023 | TRẦN THỊ THẢO        | 28/04/1995 | Nữ | Tổ 98, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                         | 4.487.639.833 |
| 1024 | TRẦN THỊ THỊ         | 12/10/1985 | Nữ | Thôn A Đông, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng                                         | 9.325.000     |
| 1025 | TRẦN THỊ THU HÀ      | 23/12/1994 | Nữ | TDP 7, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình                                            | 31.977.251    |
| 1026 | TRẦN THỊ THU HIỀN    | 28/01/1994 | Nữ | 60 Thạch Lam, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng                                     | 10.100.000    |
| 1027 | TRẦN THỊ THU THẢO    | 01/10/2001 | Nữ | 373 Hải Phòng, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                                 | 30.598.000    |
| 1028 | TRẦN THỊ THU THẢO    | 10/11/1997 | Nữ | K30/04 Đặng Thai Mai, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                          | 892.915.500   |
| 1029 | TRẦN THỊ THÚY NGÂN   | 01/08/1994 | Nữ | TDP Nội Thành, phường Hương An, thành phố Huế                                      | 14.254.167    |
| 1030 | TRẦN THỊ THUỶ TRANG  | 12/04/1993 | Nữ | Tổ 2, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng                                             | 5.885.714     |
| 1031 | TRẦN THỊ THUỶ TRANG  | 16/07/1990 | Nữ | Tổ 12, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                                         | 136.775.886   |
| 1032 | TRẦN THỊ THUỶ TRANG  | 20/11/1995 | Nữ | 14 Bùi Thị Nạn, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định                                     | 8.200.000     |
| 1033 | TRẦN THỊ TIẾN        | 20/12/1990 | Nữ | Thôn An Ba, xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi                                         | 1.500.000     |
| 1034 | TRẦN THỊ TRÀ MY      | 26/3/1996  | Nữ | K05/22 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                              | 6.000.000     |
| 1035 | TRẦN THỊ TÙNG HƯƠNG  | 07/06/1991 | Nữ | Thôn Trung Giang, xã Bến Hải, tỉnh Quảng Bình                                      | 5.500.000     |
| 1036 | TRẦN THỊ VÂN         | 19/11/1994 | Nữ | Tổ 68, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                                      | 35.974.583    |
| 1037 | TRẦN THỦY LAM        | 22/03/1997 | Nữ | 416/23/6 Dương Quảng Hàm, phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh                    | 16.380.000    |

|      |                        |            |     |                                                                       |               |
|------|------------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1038 | TRẦN TIỂU VI           | 01/04/2000 | Nữ  | C183 Khu đô thị Mỹ Thương, Phú Mỹ, Phú Vang, Thừa Thiên Huế           | 5.156.667     |
| 1039 | TRẦN TRỌNG HIẾU        | 05/07/2000 | Nam | 10/67 Hồ Đắc Di, phường An Cựu, thành phố Huế                         | 2.908.889     |
| 1040 | TRẦN TRUNG ĐỨC         | 02/05/1995 | Nam | 445/26/3A Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh | 4.937.234     |
| 1041 | TRẦN TỶ                | 06/01/1997 | Nam | K382/H21/8 Núi Thành, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng             | 4.900.000     |
| 1042 | TRẦN VĂN DUY           | 25/04/1990 | Nam | Ấp An Bình, xã Hội An, tỉnh Kiên Giang                                | 4.710.417     |
| 1043 | TRẦN VĂN TÂM           | 16/02/1990 | Nam | TDP Bằng Lăng, phường Thủy Xuân, thành phố Huế                        | 3.354.167     |
| 1044 | TRẦN VĂN TOÀN          | 03/10/2001 | Nam | 38/54 Gò Dầu, phường Tân Sơn Nhì, thành phố Hồ Chí Minh               | 12.667.778    |
| 1045 | TRẦN VIỆT DŨNG         | 05/01/1995 | Nam | TDP 9 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Bình                      | 750.000       |
| 1046 | TRẦN VIỆT DUY          | 22/05/1995 | Nam | TDP 9 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Bình                      | 5.000.000     |
| 1047 | TRẦN VŨ HOÀN           | 22/09/1993 | Nam | Thôn Phú Sơn Nam, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng                      | 59.970.000    |
| 1048 | TRẦN VŨ NGUYỄN         | 23/09/1996 | Nam | Thôn Trà Đóa 2, xã Thăng An, thành phố Đà Nẵng                        | 42.401.585    |
| 1049 | TRẦN XUÂN HẢO          | 08/01/1989 | Nam | 221 Huỳnh Ngọc Huệ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng               | 898.451.588   |
| 1050 | TRẦN XUÂN HUYỀN        | 26/02/2001 | Nữ  | TDP Lương Hòa, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                   | 13.235.106    |
| 1051 | TRỊNH THỊ THU HIỀN     | 01/10/1993 | Nữ  | Căn E2-1011A chung cư Ecohome, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội      | 3.184.728.558 |
| 1052 | TRƯƠNG CẨM THẠCH       | 05/12/1985 | Nam | Ấp 1, xã Bàu Lãm, thành phố Hồ Chí Minh                               | 4.240.957     |
| 1053 | TRƯƠNG CÔNG THẠCH      | 22/10/1988 | Nam | 198 Đoàn Hữu Trưng, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng                  | 1.500.000     |
| 1054 | TRƯƠNG HOÀNG MINH QUÂN | 07/04/1995 | Nữ  | 231/18 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                   | 43.500.000    |
| 1055 | TRƯƠNG HOÀNG THÔNG     | 25/02/1996 | Nam | K404/7 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng              | 1.727.150.860 |
| 1056 | TRƯƠNG NGỌC HUY        | 21/01/1991 | Nam | 29A Tuệ Tĩnh, phường Phú Xuân, thành phố Huế                          | 14.295.833    |
| 1057 | TRƯƠNG NỮ PHƯƠNG THẢO  | 15/03/1987 | Nữ  | TDP Hòa Mỹ 6, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng                     | 1.000.000     |
| 1058 | TRƯƠNG SỸ QUỐC         | 05/01/1991 | Nam | 06 Vũ Đình Long, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng                    | 78.993.833    |
| 1059 | TRƯƠNG THẢO CHI        | 08/03/2000 | Nữ  | 16B Tân An, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                      | 14.050.000    |
| 1060 | TRƯƠNG THỊ ÁNH         | 20/04/1996 | Nữ  | Tổ 13, KP Hương Sơn, phường Long Hương, thành phố Hồ Chí Minh         | 800.000       |
| 1061 | TRƯƠNG THỊ HẠNH        | 09/11/1996 | Nữ  | Thôn An Ninh, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Bình                         | 10.635.833    |
| 1062 | TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG | 26/11/1991 | Nữ  | 36 Đông Hải, TDP Hải Thành, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình          | 22.885.833    |
| 1063 | TRƯƠNG THỊ MỸ CHÂU     | 28/07/1985 | Nữ  | 325/52 Hùng Vương, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                | 10.300.000    |
| 1064 | TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG     | 01/01/1996 | Nữ  | 5/27 Nguyễn Phúc Lan, phường Kim Long, thành phố Huế                  | 110.936.766   |
| 1065 | TRƯƠNG THỊ MỸ NGỌC     | 21/05/1991 | Nữ  | 204 Trần Phú, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai                          | 990.118.332   |
| 1066 | TRƯƠNG THỊ NGỌC LAN    | 04/12/1999 | Nữ  | Tổ 7, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                             | 1.500.000     |
| 1067 | TRƯƠNG THỊ THANH THÚY  | 02/09/1993 | Nữ  | Tổ 22, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                         | 1.809.894.387 |
| 1068 | TRƯƠNG THỊ THU HẰNG    | 18/07/1999 | Nữ  | Thôn Xuân Ninh, xã Trường Ninh, tỉnh Ninh Bình                        | 106.690.833   |
| 1069 | TRƯƠNG THỊ TÓ UYÊN     | 01/01/1996 | Nữ  | TDP Đoài Thôn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa                         | 41.700.000    |
| 1070 | TRƯƠNG THỊ YẾN NHẬT    | 03/05/1997 | Nữ  | KP 5, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                                 | 25.300.000    |
| 1071 | TRƯƠNG TÙNG QUÂN       | 13/06/1996 | Nam | K206/12C Đông Đa, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                  | 87.820.833    |
| 1072 | TRƯƠNG VĂN CHIÊN       | 19/08/1993 | Nam | 1150/21 đường 3/2, phường Phú Thọ, thành phố Hồ Chí Minh              | 5.633.510     |
| 1073 | TRƯƠNG VĂN SANG        | 15/10/1991 | Nam | 531/60 KP 1, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai                           | 2.646.964     |
| 1074 | TRƯƠNG VIỆT TÂN        | 08/07/1997 | Nam | TDP 6 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Bình                      | 1.000.000     |
| 1075 | TỬ KHÁNH LINH          | 31/03/1994 | Nữ  | 114/8/19/7 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh    | 1.313.249.916 |
| 1076 | TƯỚNG THANH SƠN        | 05/02/1988 | Nam | Cầu Hà, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                       | 2.944.094.951 |
| 1077 | VĂN THÈ KHUYẾN         | 24/11/1985 | Nam | 303/14 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành Phố Quy Nhơn                | 130.501.993   |

|      |                         |            |     |                                                                        |               |
|------|-------------------------|------------|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1078 | VĂN THỊ NGỌC HUYỀN      | 08/04/1997 | Nữ  | TDP Vân Thê Lãng, phường Thanh Thủy, thành phố Huế                     | 1.611.458     |
| 1079 | VĂN THỊ PHƯƠNG THẢO     | 22/11/1992 | Nữ  | 152 Thành Long, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                     | 3.370.699.432 |
| 1080 | VÕ CẨM HA               | 09/08/2000 | Nữ  | Áp 3, xã Vĩnh Viễn, thành phố Cần Thơ                                  | 1.797.396     |
| 1081 | VÕ CHÍ CÔNG             | 17/10/1981 | Nam | 23 Vương Thừa Vũ, TDP 9 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Bình     | 64.488.237    |
| 1082 | VÕ CÔNG TÀI             | 10/10/1990 | Nam | Tổ 6, KP Vạn Hạnh, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh                | 19.125.000    |
| 1083 | VÕ ĐẶNG THANH           | 06/08/1988 | Nam | 16 Bình Giả, phường Tam Thắng, thành phố Hồ Chí Minh                   | 1.000.000     |
| 1084 | VÕ HÀ MỸ THIÊN          | 29/08/1995 | Nữ  | Thôn Ninh Thọ, xã Tu Bồng, tỉnh Khánh Hòa                              | 13.860.638    |
| 1085 | VÕ LÊ BÁ NHẬT           | 01/03/1988 | Nam | 9/5 Long Thọ, phường Thủy Xuân, thành phố Huế                          | 1.428.000     |
| 1086 | VÕ MINH THỊNH           | 29/06/1993 | Nam | 63 Hòa Phú 29, tổ 28HM, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng            | 2.500.000     |
| 1087 | VÕ NGUYỄN ANH THY       | 15/12/1989 | Nữ  | 62/12 Hà Huy Tập, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng                  | 12.050.000    |
| 1088 | VÕ NHƯ QUỲNH            | 07/05/1995 | Nữ  | Thôn Hòa Mỹ, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng                             | 1.500.000     |
| 1089 | VÕ PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO | 14/11/1993 | Nữ  | 373/79/35 Lý Thường Kiệt, phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh        | 15.682.535    |
| 1090 | VÕ QUANG ĐẠT            | 24/10/1994 | Nam | tổ 10 khóm Phương Mai, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa            | 7.683.750     |
| 1091 | VÕ QUANG PHÚC           | 03/06/1991 | Nam | NCT 118 Nguyễn Đăng Đạo, tổ 80KT, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng     | 11.027.083    |
| 1092 | VÕ QUỐC KHANG           | 01/12/1989 | Nam | 53B, tổ 7, khu vực 9, phường Tân An, thành phố Cần Thơ                 | 15.685.833    |
| 1093 | VÕ QUỲNH KHA            | 04/05/1999 | Nam | 1/242 Tăng Bạt Hổ, phường Phú Xuân, TP Huế                             | 11.861.458    |
| 1094 | VÕ THANH HÒA            | 10/06/1993 | Nam | thôn Mỹ Chánh, xã Nam Hải Lãng, tỉnh Quảng Bình                        | 344.071.916   |
| 1095 | VÕ THỊ BÍCH LY          | 29/12/1990 | Nữ  | 210/6 Dã Tượng, phường Nha Trang, Khánh Hòa                            | 3.700.000     |
| 1096 | VÕ THỊ GIANG            | 21/05/1984 | Nữ  | TDP 7 - P. Đồng Thuận - T. Quảng Bình                                  | 6.632.500     |
| 1097 | VÕ THỊ HẰNG             | 19/07/1984 | Nữ  | 572/30A Ông Ích Khiêm, phường Hải Châu, Đà Nẵng                        | 3.000.000     |
| 1098 | VÕ THỊ HỒNG HUỆ         | 14/10/1983 | Nữ  | 154/27B Trần Quang Diệu, KV 4, phường Bình Thủy, Tp.Cần Thơ            | 45.750.000    |
| 1099 | VÕ THỊ HỒNG NHUNG       | 06/10/1997 | Nữ  | Thôn Thành Công, xã Ea Kly, Đắk Lắk                                    | 1.487.500     |
| 1100 | VÕ THỊ KIM CHÂU         | 10/06/1992 | Nữ  | K87/51 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng             | 1.461.300.251 |
| 1101 | VÕ THỊ KIM SA           | 24/04/1985 | Nữ  | Khu phố 6, Phường Quảng Trị, Quảng Bình                                | 225.556.501   |
| 1102 | VÕ THỊ MỸ DUYÊN         | 12/09/2001 | Nữ  | tổ dân phố Vân Thê, phường Thanh Thủy, thành phố Huế                   | 1.487.500     |
| 1103 | VÕ THỊ NHỎ              | 07/02/1993 | Nữ  | Tổ 3 KV4, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai                            | 3.169.292.833 |
| 1104 | VÕ THỊ PHƯƠNG           | 02/11/1999 | Nữ  | Thôn 4, Bình Giang, Thăng Bình, Quảng Nam.                             | 2.000.000     |
| 1105 | VÕ THỊ PHƯƠNG           | 02/11/1999 | Nữ  | tổ 20, thôn Bình Khương, xã Thăng An, thành phố Đà Nẵng                | 1.725.000     |
| 1106 | VÕ THỊ PHƯƠNG AN        | 14/03/1996 | Nữ  | thôn Gia Huệ, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng                             | 2.010.944.500 |
| 1107 | VÕ THỊ PHƯƠNG NHI       | 01/01/1998 | Nữ  | 8/108 Khúc Thừa Dụ, TDP Thủy Dương 4, phường Thanh Thủy, thành phố Huế | 495.833       |
| 1108 | VÕ THỊ PHƯƠNG TRÂM      | 15/05/1990 | Nữ  | Thôn Gia Huệ, xã Vũ Gia, thành phố Đà Nẵng                             | 3.707.494.072 |
| 1109 | VÕ THỊ QUỲNH NHƯ        | 11/10/1995 | Nữ  | 175 Lê Duẩn, Phường Phú Xuân, Thành phố Huế                            | 5.716.304     |
| 1110 | VÕ THỊ THANH TUYỀN      | 23/02/1997 | Nữ  | 72 Hoàng Xuân Nhị, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng                 | 877.018.785   |
| 1111 | VÕ THỊ THU HIỀN         | 01/01/1988 | Nữ  | 49 Nguyễn Phước Thái, tổ dân phố An Xuân, phường An Khê, Đà Nẵng       | 1.962.538.986 |
| 1112 | VÕ THỊ THÚY             | 04/10/1992 | Nữ  | Xóm Bắc, thôn Kiều Huyền, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai                     | 3.500.000     |
| 1113 | VÕ THỊ THỦY DUNG        | 18/02/1993 | Nữ  | thôn Phú Sơn Nam, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng                       | 3.000.000     |
| 1114 | VÕ THỊ THỦY DƯƠNG       | 20/12/1989 | Nữ  | 221 Núi Thành, P. Hòa Cường, TP Đà Nẵng                                | 43.758.333    |
| 1115 | VÕ THỊ THỦY TRANG       | 05/02/1992 | Nữ  | 306/56 Hoàng Văn Thuk, tổ 2, khu phố 12, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | 27.971.433    |
| 1116 | VÕ THỊ THÚY VI          | 25/09/1993 | Nữ  | 61/17 Trần Phú, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa                       | 12.893.453    |
| 1117 | VÕ THỊ YÊN PHƯƠNG       | 14/06/1994 | Nữ  | Tổ 49, phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng                                          | 22.295.834    |

|      |                       |            |     |                                                                               |                |
|------|-----------------------|------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1118 | VÕ THIÊN THANH        | 31/05/1993 | Nữ  | 216/37 Hòa Hưng, khu phố 8, phường Hòa Hưng TP.HCM                            | 500.000        |
| 1119 | VÕ VĂN CUỒNG          | 01/02/1994 | Nam | 53/107 Phùng Hưng, Phường Phú Xuân, TP Huế                                    | 108.961.082    |
| 1120 | VÕ VĂN DŨNG           | 22/03/1990 | Nam | căn hộ chung cư số 1408 nhà B4 TT Kim Liên, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội | 13.990.057.801 |
| 1121 | VÕ VĂN HOÀNG ĐẠO      | 11/11/1988 | Nam | TDP Ninh Tịnh, phường Ninh Hòa, Khánh Hòa                                     | 1.312.500      |
| 1122 | VÕ VĂN THỨC           | 31/08/1997 | Nam | tổ 12, TDP Tây Tri, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Bình                           | 1.500.000      |
| 1123 | VÕ XUÂN NGUYỄN        | 14/02/1997 | Nam | 175 Nguyễn Thiện Thuật, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                      | 3.675.000      |
| 1124 | VŨ AN                 | 01/01/1992 | Nam | 50 Phạm Văn Đồng, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk                                | 1.660.000      |
| 1125 | VŨ ĐỨC QUÝ            | 13/10/1994 | Nam | TDP Đồng Kỳ 4, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Giang                             | 26.173.333     |
| 1126 | VŨ DUY ĐÔNG           | 10/02/1991 | Nam | Tổ 25 Hòn Chồng, phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa                              | 10.550.000     |
| 1127 | VŨ DUY QUANG BÌNH     | 20/12/1996 | Nam | 51 Giang Văn Minh, TDP 26 Hòa Thuận, phường Hòa Cường Đà Nẵng                 | 15.750.000     |
| 1128 | VŨ HOÀNG MỸ LINH      | 29/05/1993 | Nữ  | 252 Lê Hồng Phong, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh                     | 205.829.530    |
| 1129 | VŨ HỒNG HẠNH          | 25/01/1991 | Nữ  | Tổ 71 Tân Trà, phường Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng                                   | 212.873.986    |
| 1130 | VŨ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO | 06/08/1993 | Nữ  | Quảng Hậu Đông, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng                       | 4.288.103.418  |
| 1131 | VŨ NHƯ ĐẠI            | 16/07/1985 | Nam | tổ 3, khu phố 12, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai                           | 5.723.482.938  |
| 1132 | VŨ THANH ĐẠT          | 03/10/1994 | Nam | khu 7, xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ                                              | 11.200.000     |
| 1133 | VŨ THỂ HOÀNG          | 14/08/1989 | Nam | Tổ 16, phường Định Công, Hà Nội                                               | 45.000         |
| 1134 | VŨ THỊ HÀ TRANG       | 16/12/1997 | Nữ  | thôn Minh Hòa, xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh                                    | 15.425.000     |
| 1135 | VŨ THỊ THANH NGÂN     | 07/05/1999 | Nữ  | 57 ngách 15 Gốc đề tổ 19, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội                  | 25.787.866     |
| 1136 | VŨ THIỀU MINH         | 03/12/1991 | Nam | số 33 phố Phạm Tất Đắc, tổ dân phố 2, phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình           | 1.425.760.457  |
| 1137 | VŨ TRỊNH SƠN          | 27/02/2001 | Nam | 129-130 Phố Trúc, KĐT Ecopark, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên                   | 5.000.000      |
| 1138 | VŨ TRỌNG TÙNG         | 25/06/1996 | Nam | 22 Lê Văn Chân, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai                             | 772.082.154    |
| 1139 | VŨ XUÂN TIỀN          | 20/01/1993 | Nam | TDP 4, Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk                                        | 2.975.000      |
| 1140 | Y HIÊN                | 04/12/1998 | Nữ  | Thôn Plei Klech, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi                                 | 1.500.000      |



